

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: THIẾT KẾ ĐỒ HỌA

Mã ngành: 7210403

(Kèm theo Quyết định số 1901/QĐ-NTT ngày 13 tháng 10 năm 2023.
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

1.1 Tên ngành đào tạo

- Tên tiếng Việt: *Thiết kế đồ họa*

- Tên tiếng Anh: *Graphic Design*

1.2 Các chuyên ngành

+ Chuyên ngành: Thiết kế đồ họa

1.3 Trình độ đào tạo: Đại học

1.4 Loại hình đào tạo: Chính quy

1.5 Khóa học áp dụng: từ khóa 2023

1.6 Thời gian đào tạo: 4 năm

1.7 Định hướng đào tạo: Định hướng ứng dụng

1.8 Tên văn bằng tốt nghiệp:

+ Tên tiếng Việt: Cử nhân Thiết kế đồ họa

+ Tên tiếng Anh: The Degree of Bachelor in Graphic Design

1.9 Đơn vị đào tạo:

+ Khoa Kiến Trúc – Nội thất – Mỹ Thuật Ứng Dụng

+ Địa chỉ văn phòng: 331 Quốc lộ 1A, phường An Phú Đông, Quận 12, TP.HCM.

+ Điện thoại liên lạc: (028) 62565690-224

2. Các tiêu chí tuyển sinh và yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo

Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông

Tiêu chí tuyển sinh, tổ hợp môn tuyển:

- Phương thức 1: Xét kết quả Kỳ thi Trung học phổ thông quốc gia là điểm cộng 03 môn thi theo tổ hợp môn xét tuyển đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đại học tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo 2022.

Các tổ hợp môn xét tuyển:

V00: Toán – Ngữ văn – Vẽ mỹ thuật 2 (Tĩnh vật chì)

V01: Toán – Anh văn – Vẽ mỹ thuật 2 (Tĩnh vật chì)

H00: Ngữ văn – Vẽ mỹ thuật 1 (Trang trí màu) – Vẽ mỹ thuật 2 (Tĩnh vật chì);

H01: Toán – Vẽ mỹ thuật 1 (Trang trí màu) – Vẽ mỹ thuật 2 (Tĩnh vật chì)

- Phương thức 2: Tổng ĐTB 1 HK lớp 10+ ĐTB 1 HK lớp 11+ ĐTB 1 HK lớp 12 đạt từ 18 trở lên (được chọn điểm cao nhất trong 2 HK của mỗi năm học)

Tổng điểm trung bình 5 HK: ĐTB_HK1 lớp 10 + ĐTB_HK2 lớp 10 + ĐTB_HK1 lớp 11 + ĐTB_HK2 lớp 11 + ĐTB_HK1 lớp 12 đạt từ 30 trở lên.

Điểm tổ hợp các môn xét tuyển lớp 12 đạt từ 18 trở lên.

Điểm Trung bình cả năm lớp 12 đạt từ 6.0 trở lên

- Phương thức 3: Xét tuyển kết quả bài thi kiểm tra đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP. HCM.

- Phương thức 4: Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển các thí sinh đạt giải kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, cuộc thi Khoa học kỹ thuật quốc gia, Kỳ thi tay nghề Asean và quốc tế; xét tuyển các thí sinh người nước ngoài đủ điều kiện học tập hoặc theo diện cử tuyển.

Đối với môn năng khiếu, lấy kết quả thi của các trường khác hoặc kết quả do Trường Nguyễn Tất Thành tổ chức thi.

3. Các điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ quy định;
- Hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Hoàn thành các học phần Giáo dục quốc phòng - An ninh, Giáo dục thể chất;
- Ngoại ngữ: Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam
- Đạt chứng chỉ Tin học văn phòng (MOS) về các nội dung: Word (W), Excel (E) và Powerpoint (P)
- Đạt các chứng chỉ kỹ năng nghề: Kỹ năng giải quyết vấn đề; Kỹ năng quản lý thời gian; Kỹ năng tìm kiếm công việc; Kỹ năng soạn thảo văn bản.

4. Thang điểm

4.1 Điểm đánh giá quá trình và điểm kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) và được làm tròn đến một chữ số thập phân.

4.2 Điểm học phần được tính từ tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng, được làm tròn tới một chữ số thập phân và xếp loại điểm chữ như dưới đây, trừ các trường hợp được nêu tại điểm d) khoản này.

a) Loại đạt có phân mức, áp dụng cho các học phần được tính vào điểm trung bình học tập, bao gồm:

A: từ 8,5 đến 10

B: từ 7,0 đến 8,4

C: từ 5,5 đến 6,9

D: từ 4,0 đến 5,4

b) Loại đạt không phân mức, áp dụng cho các học phần chỉ yêu cầu đạt, không tính vào điểm trung bình học tập:

P: từ 5,0 trở lên.

c) Loại không đạt:

F: dưới 4,0.

d) Một số trường hợp đặc biệt sử dụng các điểm chữ xếp loại, không được tính vào điểm trung bình học tập:

I: Điểm chưa hoàn thiện do được phép hoãn thi, kiểm tra;

X: Điểm chưa hoàn thiện do chưa đủ dữ liệu;

R: Điểm học phần được miễn học và công nhận tín chỉ.

II. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu đào tạo của chương trình (PEOs)

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu thị trường lao động. Sinh viên tốt nghiệp có khả năng làm việc thiết kế đồ họa chuyên nghiệp, nắm vững kiến thức nền tảng về thiết kế đồ họa số; có khả năng thực hiện công việc của nhà thiết kế minh họa (Illustration), nhà thiết kế đồ họa (Graphic Designer), đồng thời có thể làm việc như là nhà thiết kế quảng cáo (Advertising Designer). Có đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội, có năng lực học tập suốt đời.

Mục tiêu chung của chương trình đào tạo đáp ứng với khung năng lực quốc gia, đáp ứng tầm nhìn, sứ mệnh của Trường của Khoa.

1.2. Mục tiêu cụ thể

PEO1: Các kiến thức cơ bản phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; đảm bảo quốc phòng an ninh và hội nhập quốc tế; bao quát được thể chế chính trị và đường lối chính sách của Đảng - Nhà nước.

PEO2: Các kiến thức cơ bản về khoa học cơ bản phù hợp với ngành đào tạo; kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành theo hướng thiết kế đồ họa chuyên nghiệp. Hiểu biết rõ về mối liên hệ giữa các khối kiến thức này trong chuyên ngành Thiết kế đồ họa.

PEO3: Sử dụng các phần mềm chuyên ngành, ứng dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ vào công việc; Có khả năng vẽ tay, vẽ trang trí mỹ thuật; Minh họa kỹ thuật số; Thiết kế đồ họa ứng dụng với nhận thức đầy đủ về các tác động đến văn hoá - xã hội - kinh tế. Có kỹ năng tư duy sáng tạo đồ họa ứng dụng; Kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả; Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình thuyết phục.

PEO4: Kỹ năng chuyên môn đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội về lĩnh vực thiết kế đồ họa: nghiên cứu, khảo sát thị trường sản phẩm; quy trình triển khai và quản lý, giám sát dự án thiết kế đồ họa, dự án truyền thông quảng cáo và các dự án liên quan chuyên ngành.

PEO5: Thái độ tự chủ, trách nhiệm nghề nghiệp; nâng cao trình độ học tập, theo đuổi việc học suốt đời, làm việc hiệu quả trong bối cảnh công nghệ mới luôn thay đổi không ngừng theo sự phát triển của kinh tế - xã hội.

2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs), Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện: Program Performance Criteria (PPC)

Sinh viên tốt nghiệp (SVTN) ngành TKĐH có:

2.2.1 Kiến thức			
Kiến thức tổng quát			
PLO1 (K1)	Vận dụng hiệu quả các kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội; kiến thức công nghệ thông tin và kiến thức về chính trị, pháp luật, văn hoá trong thực tế công việc ngành Thiết kế đồ họa.	PPC-K1.1	Vận dụng các kiến thức khoa học tự nhiên vào việc giải quyết các vấn đề của ngành.
		PPC-K1.2	Vận dụng các kiến thức khoa học xã hội vào việc giải quyết các vấn đề của ngành.
		PPC-K1.3	Vận dụng các kiến thức công nghệ thông tin vào việc giải quyết các vấn đề của ngành.
		PPC-K1.4	Vận dụng các kiến thức về chính trị, pháp luật, xã hội và sự hiểu biết các vấn đề đương đại vào việc giải quyết các vấn đề của ngành.
Kiến thức chuyên môn			

PLO2 (K ₂)	Vận dụng hiệu quả kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành: hình thành ý tưởng thiết kế; Lập kế hoạch thiết kế; Triển khai thiết kế; Quản lý và giám sát dự án thiết kế đồ họa đáp ứng các yêu cầu thực tiễn ngành Thiết kế đồ họa.	PPC-K2.1	Vận dụng các kiến thức cơ sở ngành Thiết kế đồ họa trong thực tế công việc.
		PPC-K2.2	Vận dụng kiến thức chuyên ngành Thiết kế đồ họa trong các dự án thiết kế ứng dụng thực tiễn nghề nghiệp.
		PPC-K2.3	Vận dụng kiến thức quản lý, giám sát dự án liên quan đến chuyên ngành Thiết kế đồ họa.
2.2.2 Kỹ năng			
Kỹ năng tổng quát			
PLO3 (S ₁)	Giao tiếp trong đa dạng bối cảnh với nhiều phương thức khác nhau.	PPC-S1.1	Giao tiếp lịch sự bằng lời nói, văn bản, đa phương tiện.
		PPC-S1.2	Ứng xử với cá nhân, tổ chức liên quan trong môi trường đa dạng, tôn trọng sự khác biệt đa văn hóa.
Kỹ năng chuyên môn			
PLO4 (S ₂)	Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ quốc gia Việt Nam. Có khả năng ứng dụng các phần mềm công nghệ thông tin, kỹ thuật số phục vụ công việc nghiên cứu, thiết kế, đáp ứng các yêu cầu của ngành thiết kế đồ họa. Có khả năng thực hiện các bản vẽ tay, vẽ các chi tiết nhỏ trong thiết kế đồ họa.	PPC-S2.1	Vận dụng ngoại ngữ, ngoại ngữ chuyên ngành để phục vụ công tác thiết kế, và hoạt động nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu ngành nghề trong thực tế
		PPC-S2.2	Vận dụng phần mềm công nghệ thông tin, kỹ thuật số, phục vụ công tác thiết kế các bản vẽ minh họa Thiết kế đồ họa đáp ứng yêu cầu ngành nghề trong thực tế.
		PPC-S2.3	Thực hiện các bản vẽ minh họa bằng tay, vẽ các chi tiết nhỏ trong Thiết kế đồ họa đáp ứng yêu cầu ngành nghề trong thực tiễn.
PLO5 (S ₃)	Có khả năng nghiên cứu, phân tích thị trường ứng dụng Thiết kế đồ họa; triển khai ý tưởng thiết	PPC-S3.1	Phân tích thị trường ứng dụng Thiết kế đồ họa đáp ứng yêu cầu ngành nghề trong thực tế.

	kế và quản lý, giám sát dự án thiết kế đồ họa đáp ứng yêu cầu thực tiễn Có kỹ năng cơ bản về maketing và quảng bá thương hiệu sản phẩm.	PPC-S3.2	Thực hiện triển khai thiết kế: Thiết kế xây dựng thương hiệu; Thiết kế bao bì sản phẩm; Thiết kế sự kiện; Thiết kế quảng cáo; Thiết kế dàn trang đáp ứng yêu cầu ngành nghề trong thực tế.
		PPC-S3.3	Thực hiện quản lý, giám sát các dự án thiết kế đồ họa ứng dụng đáp ứng yêu cầu ngành nghề trong thực tế.
		PPC-S3.4	Thực hiện kỹ năng cơ bản về maketing và quảng bá thương hiệu sản phẩm
2.2.3 Mức tự chủ và trách nhiệm			
PLO6 (A ₁)	Tuân thủ pháp luật, thể hiện sự hiểu biết về các chuẩn mực đạo đức và trách nhiệm xã hội	PPC-A1.1	Thực hiện các quy định của pháp luật, kỷ luật lao động và trách nhiệm xã hội.
		PPC-A1.2	Chia sẻ với đồng nghiệp về các quy định liên quan tới pháp luật, kỷ luật lao động, đạo đức nghề nghiệp để hướng tới sự phát triển chung
PLO7 (A ₂)	Thích ứng với sự thay đổi trong nhiều bối cảnh, định hướng tương lai rõ ràng, thể hiện động cơ khởi nghiệp và học tập suốt đời.	PPC-A2.1	Xác định năng lực của bản thân trong nhiều bối cảnh nghề nghiệp
		PPC-A2.2	Chủ động tham gia học tập, bồi dưỡng kiến thức để đáp ứng yêu cầu công việc
		PPC-A2.3	Đề ra các ý tưởng khởi nghiệp

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Nguyên tắc thiết kế chương trình đào tạo (Program Ideas)

- Chương trình đào tạo được thiết kế, cải tiến phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, chiến lược phát triển Trường, Khoa/Viện theo từng giai đoạn;
- Chương trình đào tạo được thiết kế, cải tiến trên cơ sở kết quả thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan;
- Chú trọng tính quốc tế hóa trong thiết kế, cải tiến chương trình đào tạo;
- Chương trình đào tạo được Hội đồng khoa học và đào tạo Trường, Khoa xét duyệt thông qua.

2. Mối liên hệ của các học phần với mục tiêu đào tạo

Mục tiêu (PEOs)	Học phần (HP)			Thời lượng	
	Tên học phần	Số tín chỉ	Số lượng HP	Số tín chỉ	Tỷ lệ (%)/ tổng tín chỉ
PEO1	Triết học Mác - Lê nin	3	6	13	8,66 %
	Kinh tế Chính trị Mác - Lê nin	2			
	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2			
	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2			
	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			
	Pháp luật đại cương	2			
	Anh văn cấp độ 1	3			
	Anh văn cấp độ 2	3			
	Anh văn cấp độ 3	3			
	Anh văn cấp độ 4	3			
	Nhập môn Internet và E - learning	2			
PEO2 PEO3	Kỹ thuật số và đổi mới sáng tạo	2	28	74	49,33 %
	Cơ sở văn hóa Việt Nam				
	Nhập môn nghệ thuật thiết kế đồ họa	2			
	Hình họa cơ bản 1	3			
	Hình họa cơ bản 2	3			
	Hình họa cơ bản 3	3			
	Cơ sở tạo hình 1	3			
	Cơ sở tạo hình 2	3			
	Cơ sở tạo hình 3	3			
	Thực tế (ký họa phong cảnh, kiến trúc)	2			
	Nguyên lý thiết kế đồ họa	3			
	Nhiếp ảnh	3			
	Nghệ thuật chữ (Calligraphy)	2			
	Minh họa	3			

Mục tiêu (PEOs)	Học phần (HP)			Thời lượng	
	Tên học phần	Số tín chỉ	Số lượng HP	Số tín chỉ	Tỷ lệ (%)/ tổng tín chỉ
	Marketing và thương hiệu	2			
	Tiếng Anh chuyên ngành	2			
	Tin học chuyên ngành 1 (AI)	3			
	Tin học chuyên ngành 2 (Photoshop căn bản)	3			
	Tin học chuyên ngành 3 (Photoshop nâng cao)	3			
	Tin học chuyên ngành 4 (In Design)	3			
	Tin học chuyên ngành 5 (Thiết kế giao diện web)	3			
	Vẽ kỹ thuật số (Digital painting)	2			
	Mỹ Thuật học	4			
	Lịch sử văn minh thế giới				
	Kỹ thuật in & chế bản				
	Kỹ thuật đồ họa				
PEO3 PEO4 PEO5	Ý tưởng thiết kế	2	19	53	36,66 %
	Thiết kế Catalogue và Brochure	2			
	Thiết kế tên thương hiệu	2			
	Minh họa phân cảnh quảng cáo	2			
	Hồ sơ năng lực thiết kế	2			
	Đồ án chuyên ngành 1 (minh họa sách, truyện)	3			
	Đồ án chuyên ngành 2 (Thiết kế Poster & printad)	3			

Mục tiêu (PEOs)	Học phần (HP)			Thời lượng	
	Tên học phần	Số tín chỉ	Số lượng HP	Số tín chỉ	Tỷ lệ (%)/ tổng tín chỉ
	Đồ án chuyên ngành 3 (Thiết kế nhân vật)	3			
	Đồ án chuyên ngành 4 (Thiết kế Logo & hệ thống nhận diện)	3			
	Đồ án chuyên ngành 5 (Thiết kế bao bì sản phẩm)	3			
	Đồ án chuyên ngành 6 (Thiết kế Artbook)	3			
	Đồ án chuyên ngành 7 (Thiết kế sự kiện)	3			
	Đồ án chuyên ngành 8 (Tiền tốt nghiệp - CIP)	3			
	Thực tập nhận thức nghề	2			
	Thực tập tốt nghiệp	4			
	Đề cương tốt nghiệp	2			
	Đồ án tốt nghiệp	7			
	Thiết kế quảng cáo	4			
	Thiết kế linh vật				
	Thiết kế lịch và thiệp				
	Thiết kế tranh cổ động				
PEO5	Kỹ năng giao tiếp	2	4	8	5,3 %
	Kỹ năng giao tiếp (HP2)	2			
	Khởi nghiệp	2			
	Nghệ thuật chữ 2 (nâng cao)	2			

3. Tóm tắt các khối lượng kiến thức

Kiến thức toàn khóa học: 150 tín chỉ (không bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)

Trong đó:

- Kiến thức giáo dục đại cương:	13 tín chỉ	Tỉ lệ: 8,66 %
- Kiến thức khoa học cơ bản:	22 tín chỉ	Tỉ lệ: 14,66 %
- Kiến thức chuyên nghiệp:	115 tín chỉ	Tỉ lệ: 76,66 %
+ Kiến thức cơ sở ngành:	41 tín chỉ	Tỉ lệ: 27,3 %
+ Kiến thức cốt lõi ngành:	61 tín chỉ	Tỉ lệ: 40,6 %
+ Thực tập (Nhận thức & Tốt nghiệp):	6 tín chỉ	Tỉ lệ: 4,0 %
+ Đồ án tốt nghiệp (GD2):	7 tín chỉ	Tỉ lệ: 4,66 %

4. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã số	Tên học phần (HP)	Tên học phần (HP) tiếng Anh	Tín chỉ	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
					LT	TH	Tự học			
I	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			13	195	0	390			
1	075580	Triết học Mác - Lê nin	Marxist-Lenisist philosophy	3	45	0	90		Thuyết giảng/E-learning	Bài thi tự luận
2	075581	Kinh tế Chính trị Mác - Lê nin	Political economics of Marxism and Leninism	2	30	0	60	075580(a)	Thuyết giảng/E-learning	Bài thi tự luận
3	075582	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	Scientific socialism	2	30	0	60	075580(a) 075581(a)	Thuyết giảng/E-learning	Bài thi tự luận
4	075583	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	History of Communist Party of Vietnam	2	30	0	60	075580(a) 075581(a) 075582(a)	Thuyết giảng/E-learning	Bài thi tự luận
5	075584	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Ideology	2	30	0	60	075583(a)	Thuyết giảng/E-learning	Bài thi tự luận
6	070011	Pháp luật đại cương	General Law	2	30	0	60		Thuyết giảng/E-learning	Bài thi tự luận
7	070023	Giáo dục thể chất	Physical Training	5	15	90	--		Mô phỏng/ thực hành	Bài thi thực hành
8	076580	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Military Training	8	77	72	--		Mô phỏng/ thực hành	Bài thi thực hành
II	KIẾN THỨC KHOA HỌC CƠ BẢN			22	150	160	540			
	Bắt buộc			20	120	160	480			

TT	Mã số	Tên học phần (HP)	Tên học phần (HP) tiếng Anh	Tín chỉ	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
					LT	TH	Tự học			
9	070006	Kỹ năng giao tiếp	Communication skills 1	2	30	0	60		Lý thuyết	Bài thi tự luận
10	070007	Kỹ năng giao tiếp (HP2)	Communication skills 2	2	30	0	60	070006(a)	Lý thuyết	Bài thi tự luận
11	073513	Khởi nghiệp	Entrepreneurship	2	30	0	60		Lý thuyết	Bài thi tự luận
12	074920	Nhập môn Internet và E-learning	Introduction to Internet and Elearning	2	30	0	60		Lý thuyết	Bài thi tự luận
Ngoại ngữ không chuyên (SV chọn 1 trong 3 ngoại ngữ Tiếng Anh/Tiếng Đức/Tiếng Nhật)										
13	078165	Anh văn cấp độ 1	English level 1	3	0	90	60		Lý thuyết	Bài thi tự luận, thực hành
14	078166	Anh văn cấp độ 2	English level 2	3	0	90	60	078165(a)	Lý thuyết	Bài thi tự luận, thực hành
15	078167	Anh văn cấp độ 3	English level 3	3	0	90	60	078166(a)	Lý thuyết	Bài thi tự luận, thực hành
16	078168	Anh văn cấp độ 4	English level 4	3	0	90	60	078167(a)	Lý thuyết	Bài thi tự luận, thực hành
17	078177	Tiếng Đức cấp độ 1	German level 1	3	0	90	60		Thực hành	Bài thi tự luận, thực hành

TT	Mã số	Tên học phần (HP)	Tên học phần (HP) tiếng Anh	Tín chỉ	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
					LT	TH	Tự học			
18	078178	Tiếng Đức cấp độ 2	German level 2	3	0	90	60	078177(a)	Thực hành	Bài thi tự luận, thực hành
19	078179	Tiếng Đức cấp độ 3	German level 3	3	0	90	60	078178(a)	Thực hành	Bài thi tự luận, thực hành
20	078180	Tiếng Đức cấp độ 4	German level 4	3	0	90	60	078179(a)	Thực hành	Bài thi tự luận, thực hành
21	078171	Tiếng Nhật cấp độ 1	Japanese level 1	3	0	90	60		Thực hành	Bài thi tự luận, thực hành
22	078172	Tiếng Nhật cấp độ 2	Japanese level 2	3	0	90	60	078171(a)	Thực hành	Bài thi tự luận, thực hành
23	078173	Tiếng Nhật cấp độ 3	Japanese level 3	3	0	90	60	078172(a)	Thực hành	Bài thi tự luận, thực hành
24	078174	Tiếng Nhật cấp độ 4	Japanese level 4	3	0	90	60	078173(a)	Thực hành	Bài thi tự luận, thực hành
	Tự chọn:			2	30	0	60			
25	071642	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Vietnamese cultural establishment	2	30	0	60		Lý thuyết	Bài thi tự luận
26	076625	Kỹ năng số và đổi mới sáng tạo	Digital skills and innovation-creativity	2	15	30	60		LT kết hợp TH	Bài thi tự luận
III	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			115	450	2550	3450			

TT	Mã số	Tên học phần (HP)	Tên học phần (HP) tiếng Anh	Tín chỉ	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
					LT	TH	Tự học			
III.1	Kiến thức cơ sở ngành			41	225	780	1170			
	Bắt buộc:			37	195	720	1110			
27	073470	Nhập môn nghệ thuật thiết kế đồ họa	Introduction to Graphic Design	2	15	30	60		TG&TH	Bài thi thực hành (BTTH)
28	077216	Hình họa cơ bản 1	Figures drawing 01	3	15	60	90		TG&TH	BTTH
29	077217	Hình họa cơ bản 2	Figures drawing 02	3	15	60	90	077216(a)	TG&TH	BTTH
30	077218	Hình họa chuyên ngành	Figures drawing 03	3	15	60	90	077217(a)	TG&TH	BTTH
31	077219	Cơ sở tạo hình 1 (kiến thức cơ bản tạo hình mặt phẳng)	Shaped base 1	3	15	60	90		TG&TH	BTTH
32	077221	Cơ sở tạo hình 2 (cách điệu hoa lá, động vật,)	Shaped base 2	3	15	60	90	077219(a)	TG&TH	BTTH
33	077220	Cơ sở tạo hình 3 (tạo hình biểu tượng)	Shaped base 3	3	15	60	90	077221(a)	TG&TH	BTTH
34	070544	Nguyên lý thiết kế đồ họa	Graphic Design Principles	3	15	60	90		TG&TH	BTTH
35	077222	Thực tế (ký họa phong cảnh, vốn cổ)	Study tour	2	0	60	60		Thực hành	Bài tập lớn (BLT)
36	077223	Nghệ thuật chữ (calligraphy)	Calligraphy	2	0	60	60		Thực hành	BTTH
37	073277	Nhiếp ảnh	Photography	3	15	60	90		Thực hành	BTTH
38	077224	Nghệ thuật minh họa	Design & Illustration	3	15	60	90	077220(a)	Thực hành	BTTH

TT	Mã số	Tên học phần (HP)	Tên học phần (HP) tiếng Anh	Tín chỉ	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
					LT	TH	Tự học			
39	077225	Marketing và thương hiệu	Marketing & Brand	2	15	30	60		TG&TH	BTTH
40	076106	Nghệ thuật chữ 2 (nâng cao)	Creative thinking Design	2	30	0	60		TG&TH	BTTH
	Tự chọn:			4	30	60	60			
41	071950	Mỹ Thuật học	Fine arts	2	30	0	60		Lý thuyết	BTTH
42	070669	Lịch sử văn minh thế giới	World civilization history	2	30	0	60		Lý thuyết	Tự luận
43	077228	Kỹ thuật in chuyên ngành	Printing techniques	2	0	60	60		Thực hành	BTTH
44	071949	Kỹ thuật đồ họa	Graphics Techniques	2	0	60	60		Thực hành	BTTH
I.2	Kiến thức chuyên ngành			61	225	1380	1890			
	Bắt buộc:			59	225	1320	1830			
45	070548	Tin học chuyên ngành 1 (AI)	Information Technology Index 1 (AI)	3	15	60	90		TG&TH	BTTH
46	070549	Tin học chuyên ngành 2 (PS căn bản)	Information Technology Index 2 (PS)	3	15	60	90		TG&TH	BTTH
47	070550	Tin học chuyên ngành 3 (PS nâng cao)	Information Technology Index 3 (PS)	3	15	60	90	070549(a)	TG&TH	BTTH
48	077863	Tin học chuyên ngành 4 (Indesign)	Information Technology Index 4 (Indesign)	3	15	60	90	070550(a)	TG&TH	BTTH
49	077229	Tin học chuyên ngành 5 (Thiết kế giao diện Web)	Information Technology Index 5 (Web)	3	15	60	90			BTTH

TT	Mã số	Tên học phần (HP)	Tên học phần (HP) tiếng Anh	Tín chỉ	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
					LT	TH	Tự học			
50	077230	Vẽ kỹ thuật số (Digital painting)	Digital painting	2	0	60	60	070549(a)	TG&TH	BTTH
51	077231	Tiếng Anh chuyên ngành	English for graphic design	2	15	30	60		TG&TH	BTTH
52	077232	Ý tưởng thiết kế	Ideas of design	2	0	60	60		TG&TH	BTTH
53	077233	Thiết kế tên thương hiệu (Brandname)	Branding design	2	0	60	60		Thực hành	BTTH
54	077234	Thiết kế Catalogue và Brochure	Catalogue & Brochure Design	2	0	60	60		Thực hành	BTTH
55	077243	Thiết kế linh vật	Mascot guidelines	2	0	60	90	077230(a)	Thực hành	BTTH
56	077244	Thiết kế quảng cáo	Advert design	2	0	60	90	070550(a)	Thực hành	BTTH
57	077235	Mình họa phân cảnh quảng cáo	Storyboard illustration	2	0	60	60		Thực hành	BTTH
58	073851	Hồ sơ năng lực thiết kế	Portfolio	2	15	30	60		Thực hành	BTTH
59	077236	Đồ án chuyên ngành 1 (mình họa sách, truyện)	Specialized project 1	3	15	60	90		Thực hành	BTL
60	077273	Đồ án chuyên ngành 2 (Thiết kế Poster & printad)	Specialized project 2	3	15	60	90	070550(a)	Thực hành	BTL
61	077107	Đồ án chuyên ngành 3 (Thiết kế nhân vật)	Specialized project 3	3	15	60	90	077230(a)	Thực hành	BTL
62	077237	Đồ án chuyên ngành 4 (Thiết kế Logo & hệ	Specialized project 4	3	15	60	90		Thực hành	BTL

TT	Mã số	Tên học phần (HP)	Tên học phần (HP) tiếng Anh	Tín chỉ	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
					LT	TH	Tự học			
		thống nhận diện)								
63	077272	Đồ án chuyên ngành 5 (Thiết kế bao bì sản phẩm)	Specialized project 5	3	15	60	90		Thực hành	BTL
64	077238	Đồ án chuyên ngành 6 (Thiết kế tạp chí; artbook)	Specialized project 6	3	15	60	90		Thực hành	BTL
65	077239	Đồ án chuyên ngành 7 (Thiết kế đồ họa sự kiện)	Specialized project 7	3	15	60	90		Thực hành	BTL
66	077240	Đồ án chuyên ngành 8 (Tiền tốt nghiệp - CIP)	Specialized project 8	3	0	90	90		Thực hành	BTL
67	074111	Đề cương tốt nghiệp	Internship agency brief	2	15	30	60		TG&TH	BTL
	Tự chọn:			2	0	60	60			
68	077241	Thiết kế lịch và thiệp	Calendar & Greeting Cards Design	2	0	60	60	077230(a)	Thực hành	BTTH
69	077242	Thiết kế tranh cổ động	Social communication poster	2	0	60	60	077230(a)	Thực hành	BTTH
IV	TỐT NGHIỆP			13	0	390	390			
70	077108	Thực tập nhận thức nghề	Professional awareness	2	0	60	60		Thực hành	BTL
71	077905	Thực tập tốt nghiệp	Training internship	4	0	120	120		Thực hành	BTL
72	077245	Đồ án tốt nghiệp	Graduation Project	7	0	210	210		Thực hành	BTL

5. Phân bổ tiến độ giảng dạy các học phần dự kiến

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Mã môn học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Ghi chú
HỌC KỲ 1			16		
1	073470	Nhập môn nghệ thuật thiết kế đồ họa	2		
2	070548	Tin học chuyên ngành 1 (AI)	3		
3	077216	Hình họa cơ bản 1	3		
4	077219	Cơ sở tạo hình 1 (màu sắc & cách điệu hoa lá, động vật)	3		
5	074920	Nhập môn Internet và E - learning	2		
6	076580	Giáo dục quốc phòng và an ninh	8		
7	078165	Anh văn cấp độ 1	3		Sinh viên chọn 1 trong 3 học phần ngoại ngữ không chuyên
	078171	Tiếng Nhật cấp độ 1			
	078177	Tiếng Đức cấp độ 1			
HỌC KỲ 2			17		
1	075580	Triết học Mác - Lê nin	3		
2	077217	Hình họa cơ bản 2	3	077216 (a)	
3	077221	Cơ sở tạo hình 2 (tạo hình biểu tượng)	3	077219 (a)	
4	070006	Kỹ năng giao tiếp	2		
5	070544	Nguyên lý thiết kế đồ họa	3		
6	078166	Anh văn cấp độ 2	3	078165 (a)	Sinh viên chọn 1 trong 3 học phần ngoại ngữ không chuyên
	078178	Tiếng Đức cấp độ 2		078177 (a)	
	078172	Tiếng Nhật cấp độ 2		078171 (a)	
HỌC KỲ 3			16		
1	070007	Kỹ năng giao tiếp (HP2)	2	070006 (a)	
2	075581	Kinh tế Chính trị Mác - Lê nin	2	075580 (a)	
3	077220	Cơ sở tạo hình 3 (tạo hình kỹ thuật số cơ bản)	3	077221 (a)	
4	077218	Hình họa chuyên ngành	3	077217 (a)	
5	070549	Tin học chuyên ngành 2 (PS căn bản)	3		

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Mã môn học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Ghi chú
6	070023	Giáo dục thể chất (*)	5		
7	078167	Anh văn cấp độ 3	3	078166 (a)	Sinh viên chọn 1 trong 3 học phần ngoại ngữ không chuyên
	078179	Tiếng Đức cấp độ 3		078178 (a)	
	078173	Tiếng Nhật cấp độ 3		078172 (a)	
HỌC KỲ 4			14		
1	075582	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2	075580 (a) 075581 (a)	
2	077224	Nghệ thuật minh họa	3	077220 (a)	
3	077222	Thực tế (ký họa phong cảnh, kiến trúc)	2		
4	077223	Nghệ thuật chữ (calligraphy)	2		
5	078168	Anh văn cấp độ 4	3	078167 (a)	Sinh viên chọn 1 trong 3 học phần ngoại ngữ không chuyên
	078180	Tiếng Đức cấp độ 4		078179 (a)	
	078174	Tiếng Nhật cấp độ 4		078173 (a)	
Tự chọn					
6	076625	Kỹ năng số và đổi mới sáng tạo	2		Tự chọn 2/4 tín chỉ
	070669	Lịch sử văn minh thế giới			
HỌC KỲ 5			12		
1	075583	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	075580 (a) 075581 (a) 075582 (a)	
2	077236	Đồ án chuyên ngành 1 (Minh họa sách, truyện)	3		
3	077230	Vẽ kỹ thuật số (Digital painting)	2	070549 (a)	
4	070550	Tin học chuyên ngành 3 (PS nâng cao)	3	070549 (a)	
5	076106	Nghệ thuật chữ 2 (nâng cao)	2		
HỌC KỲ 6			12		
1	075584	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	075583 (a)	
2	077863	Tin học chuyên ngành 4 (In Design)	3	070550 (a)	
3	077273	Đồ án chuyên ngành 2 (Thiết kế Poster & printad)	3	070550 (a)	
4	077232	Ý tưởng thiết kế	2		

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Mã môn học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Ghi chú
Tự chọn					
5	077228	Kỹ thuật in chuyên ngành	2		Tự chọn 2/4 tín chỉ
	071642	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2		
HỌC KỲ 7			11		
1	073513	Khởi nghiệp	2		
2	077231	Tiếng Anh chuyên ngành	2		
3	077107	Đồ án chuyên ngành 3 (Thiết kế nhân vật)	3	077230 (a)	
4	077234	Thiết kế Catalogue và Brochure	2		
Tự chọn					
5	071949	Kỹ thuật đồ họa	2		Tự chọn 2/4 tín chỉ
	071950	Mỹ Thuật học	2		
HỌC KỲ 8			12		
1	077237	Đồ án chuyên ngành 4 (Thiết kế Logo & hệ thống nhận diện)	3		
2	077225	Marketing và thương hiệu	2		
3	073277	Nhiếp ảnh	3		
4	077243	Thiết kế linh vật	2	077230 (a)	
Tự chọn					
5	077241	Thiết kế lịch và thiệp		077230 (a)	
6	077242	Thiết kế tranh cổ động		077230 (a)	
HỌC KỲ 9			12		
1	077233	Thiết kế tên thương hiệu (Brandname)	2		
2	077272	Đồ án chuyên ngành 5 (Thiết kế bao bì)	3		
3	077229	Tin học chuyên ngành 5 (Thiết kế giao diện Web)	3		
4	070011	Pháp luật đại cương	2		
5	077244	Thiết kế quảng cáo	2	070550 (a)	
HỌC KỲ 10			12		
1	077108	Thực tập nhận thức nghề	2		

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Mã môn học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Ghi chú
2	077238	Đồ án chuyên ngành 6 (Thiết kế tạp chí; Artbook)	3		
3	077239	Đồ án chuyên ngành 7 (Thiết kế đồ họa sự kiện)	3		
4	073851	Hồ sơ năng lực thiết kế	2		
5	077235	Minh họa phân cảnh quảng cáo	2		
HỌC KỲ 11			9		
1	077905	Thực tập tốt nghiệp	4		
2	077240	Đồ án chuyên ngành 8 (Tiền tốt nghiệp - CIP)	3		
3	074111	Đề cương tốt nghiệp	2		
HỌC KỲ 12			7		
1	077245	Đồ án tốt nghiệp	7		

Lưu ý:

Tiến độ học tập theo phân bổ này là định hướng để sinh viên lập kế hoạch học tập. Thực tế sinh viên có thể lựa chọn đăng ký học phần học tập theo nhu cầu cá nhân trên cơ sở đáp ứng các điều kiện về học phần theo quy định.

6. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

I (Introduce): Học phần dạy kiến thức và/ hay kỹ năng cho người học ở **mức đơn giản** làm cơ sở cho việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

P (Practice): Học phần dạy kiến thức và/ hay kỹ năng cho người học ở **mức cơ bản** hay **nâng cao**;

M (Master): Học phần dạy kiến thức và/ hay kỹ năng cho người học ở **mức nâng cao**, đóng góp quan trọng cho việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ (LT-TH)	Lộ trình học tập	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo											
					PLO1 (K1)		PLO2 (K2)	PLO3 (S1)	PLO4 (S2)	PLO5 (S3)	PLO6 (A1)	PLO7 (A2)				
					1.1	1.2	1.3	1.4	2.1	2.2	2.3	1.1	1.2	2.1	2.2	2.3
HỌC KỲ 1																
1	073470	Nhập môn nghệ thuật thiết kế đồ họa.	2(1, 1)	HK1	I	I	I	I	I							I
2	070548	Tin học chuyên ngành 1 (AI)	3(1, 2)	HK1	I	I	I	I	I	I						I
3	077216	Hình họa cơ bản 1	3(1, 2)	HK1	I	I			I	I						I
4	077219	Cơ sở tạo hình 1	3(1, 2)	HK1	I	I		I	I		I					I
5	078165	Anh văn cấp độ 1	3(0, 3)	HK1	I	I			I	I						I
	078177	Tiếng Đức cấp độ 1	3(0, 3)	HK1	I	I			I	I						I
	078171	Tiếng Nhật cấp độ 1	3(0, 3)	HK1	I	I			I	I						I
6	074920	Nhập môn Internet và E-learning	2(2, 0)	HK1		I	I									I
7	076580	Giáo dục quốc	8(6, 2)	HK1			I								I	I

Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																				
TT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ (LT-TH)	Lộ trình học tập	HỌC KỲ 2																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																															
					PLO1 (K1)		PLO2 (K2)	PLO3 (S1)	PLO4 (S2)	PLO5 (S3)	PLO6 (A1)	PLO7 (A2)																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																								
					1.1	1.2	1.3	1.4	2.1	2.2	2.3	1.1	1.2	2.1	2.2	2.3																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																				
		phòng và an ninh																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																		

					Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo																	
TT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ (LT-TH)	Lộ trình học tập	PLO1 (K1)		PLO2 (K2)		PLO3 (S1)		PLO4 (S2)		PLO5 (S3)		PLO6 (A1)		PLO7 (A2)					
					1.1	1.2	1.3	1.4	2.1	2.2	2.3	1.1	1.2	2.1	2.2	3.1	3.2	3.3	3.4	1.1	1.2	2.1
2	077236	Đồ án chuyên ngành 1	3(1, 2)	HK5	P	P	P	P	M	M	M	P	P	P	M	M		P	P	P	P	P
3	077230	Vẽ kỹ thuật số	3(1, 2)	HK5		P			P			P	P			P				I	I	
4	070550	Tin học chuyên ngành 3	3(1, 2)	HK5			P		P	P	I	I			I		I	I	I	I		
5	071950	Mỹ Thuật học	2(2, 0)	HK5	I	I		I	I			I			I		I	I				
	071642	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2(2, 0)	HK5		I					I	I								I	I	
HỌC KỲ 6																						
1	075584	Tư tưởng HCM	2(2, 0)	HK6				P					P	P							P	P
2	077863	Tin học chuyên ngành 4	3(1, 2)	HK6			P		P	P	I	I			I			I	I	I	I	
3	077273	Đồ án chuyên ngành 2	3(1, 2)	HK6	P	P	P	P	M	M		P	P	P	M	M	M	P	P	P	P	P
4	076106	Nghệ thuật chữ 2 (nâng cao)	2(2, 0)	HK6	P	P		P	P			P	P		P	P	P					
5	077235	Mình họa phân cảnh quảng cáo	2(0, 2)	HK6	P	P	P		P	P		P	P	P	P	P	P	I	I	I	I	I
6	077228	Kỹ thuật in chuyên ngành	2(0, 2)	HK6			I		I			P	P				I			I	I	
	077242	Thiết kế tranh cổ động	2(0, 2)	HK6	I	I	I	I	P	P	I	I	P	P	P	P	P	I	I	I	I	I

Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo																					
TT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ (LT-TH)	Lộ trình học tập	PLO1 (K1)		PLO2 (K2)		PLO3 (S1)		PLO4 (S2)		PLO5 (S3)		PLO6 (A1)		PLO7 (A2)				
					1.1	1.2	1.3	1.4	2.1	2.2	2.3	1.1	1.2	2.1	2.2	2.3	1.1	1.2	2.1	2.2	2.3
HỌC KỲ 7																					
1	077231	Tiếng Anh chuyên ngành	2(0, 2)	HK7																	
2	077107	Đồ án chuyên ngành 3	3(1, 2)	HK7	P	P	P	P	M	M		P	P	M	M		P	P			
3	073277	Nhiếp ảnh	3(1, 2)	HK7	I	I	I		P	P							P	I			
4	077243	Thiết kế linh vật	2(0, 2)	HK7	I	I	I	I	P	P		P	P				I	I			
	071949	Kỹ thuật đồ hoạ	2(0, 2)	HK7			I					P	P				I	I			
HỌC KỲ 8																					
1	077237	Đồ án chuyên ngành 4	3(1, 2)	HK8	P	P	P	P	M	M		P	P	M	M		P	P			
2	077225	Marketing và thương hiệu	2(2, 0)	HK7	P	P		P	P	P							P	I			
3	073513	Khởi nghiệp	2(2, 0)	HK8		I											I	I			
4	077233	Thiết kế tên thương hiệu – Brandname	2(0, 2)	HK8	I	I	I	I	P	P							P	P			
TỰ CHỌN																					
5	077241	Thiết kế lịch và thiệp	2(0, 2)	HK8	I	I	I		P	P							I	I			

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ (LT-TH)	Lộ trình học tập	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo											
					PLO1 (K1)				PLO2 (K2)				PLO3 (S1)			
					1.1	1.2	1.3	1.4	2.1	2.2	2.3	1.1	1.2	1.3	1.4	2.1
	077244	Thiết kế quảng cáo	2(0, 2)	HK8	I	I	I	I	P	P	P	I	I	I	P	P
HỌC KỲ 9																
1	077272	Đồ án chuyên ngành 5	3(1, 2)	HK9	P	P	P	P	M	M	M	P	P	P	P	P
2	070559	Tin học chuyên ngành 5	3(1, 2)	HK9			P		P	P	P				I	I
3	070011	Pháp luật đại cương	2(2,0)	HK9	I	I	I	I	I	I	I	I	I	I	I	P
4	077234	Thiết kế Catalogue và Brochure	2(0, 2)	HK9	I	I	I	I	P	P	P	I	I	I	I	I
HỌC KỲ 10																
1	077238	Đồ án chuyên ngành 6	3(1, 2)	HK10	P	P	P	P	M	M	M	P	P	P	P	P
2	077239	Đồ án chuyên ngành 7	3(1, 2)	HK10	P	P	P	P	M	M	M	P	P	P	P	P
3	073851	Hồ sơ năng lực thiết kế	2(1, 1)	HK10	P	P	P		P	P	P	P	P	I	I	P
4	077108	Thực tập nhận thức nghề	2(0, 2)	HK10	P	P	P	P	M	M	M	P	P	M	M	P
HỌC KỲ 11																
1	071094	Thực tập tốt nghiệp	4(0, 4)	HK11	P	P	P	P	M	M	M	M	M	M	M	P

Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																	
TT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ (LT-TH)	Lộ trình học tập	PLO1 (K1)		PLO2 (K2)		PLO3 (S1)	PLO4 (S2)	PLO5 (S3)			PLO6 (A1)	PLO7 (A2)																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																		
					1.1	1.2	1.3	1.4	2.1	2.2	2.3	1.1	1.2	1.3	3.1	3.2	3.3	3.4	1.1	1.2	2.1	2.2	2.3																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
2	077240	Đồ án chuyên ngành 8	3(0, 3)	HK11	P	P	P	P	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M

7. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần

7.1 Triết học Mác - Lê nin (3 tín chỉ)

Nội dung: Học phần nghiên cứu hệ thống quan điểm và học thuyết khoa học của C. Mác, Ph. Ăngghen và V.I. Lênin về triết học, một trong ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác - Lênin. Nội dung học phần được cấu trúc thành ba phần, tương ứng với sáu bài học. Phần mở đầu khái lược về triết học, Triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội; Phần thứ hai: Chủ nghĩa duy vật biện chứng; Phần thứ ba: Chủ nghĩa duy vật lịch sử.

7.2 Kinh tế chính trị Mác – Lênin: 2 tín chỉ

Nội dung: Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin được xây dựng với 6 chương. Trong đó, chương 1 trình bày đối tượng, phương pháp nghiên cứu và các chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin; chương 2, 3, 4, trình bày các vấn đề về hàng hóa và thị trường, sản xuất giá trị thặng dư, cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; chương 5, chương 6 gồm kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ.

7.3 Chủ nghĩa Xã hội khoa học: 2 tín chỉ

Nội dung: Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học được xây dựng với 7 chương: Chương 1 trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của chủ nghĩa xã hội khoa học (quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học). Từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung của chủ nghĩa xã hội khoa học theo mục tiêu học phần.

7.4 Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam: 2 tín chỉ

Nội dung: Học phần cung cấp cho sinh viên, học viên những hiểu biết cơ bản có hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên những hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

7.5 Tư tưởng Hồ Chí Minh: 2 tín chỉ

Nội dung: Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh bao gồm 6 chương học trình bày các kiến thức tổng quan về đối tượng, phương pháp nghiên cứu cũng như khái niệm, nguồn gốc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh; tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam, về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, về văn hoá, đạo đức con người.

7.6 Kỹ năng giao tiếp: 2 tín chỉ

Nội dung: Học phần “Kỹ năng giao tiếp” cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về tư duy giao tiếp xã hội và kỹ năng giao tiếp cơ bản trong hoạt động nghề nghiệp xã hội. Người học nắm vững những vấn đề khoa học cơ bản về tâm lý giao tiếp và nguyên tắc giao tiếp có hiệu quả trong hoạt động thuyết trình, phỏng vấn xin việc làm chuyên nghiệp, phân tích đánh giá bản thân, để hình thành tính chủ động, năng động, tự tin trong quá trình lập

nghiệp và học tập suốt đời. Biết vận dụng có hiệu quả các kỹ năng lắng nghe, ứng xử, điều hành, giải quyết vấn đề và kỹ năng sống trong giao tiếp khách hàng, đồng nghiệp thông qua các yếu tố ngôn ngữ nói, viết và ngôn ngữ cơ thể phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội và môi trường xung quanh.

7.7 Kỹ năng giao tiếp (HP2): 2 tín chỉ

Nội dung: Cung cấp những kiến thức về giao tiếp trong cuộc sống nói chung và công việc nói riêng. Học phần Kỹ năng giao tiếp giới thiệu cho sinh viên những nguyên lý giao tiếp hiệu quả, để từ đó ứng dụng các nguyên lý này vào các kỹ năng viết và nói. Cụ thể sinh viên sẽ biết vận dụng các nguyên lý giao tiếp hiệu quả vào việc đón tiếp khách, trực tiếp hay qua điện thoại, biết soạn email hay các loại thư giao dịch. Sinh viên cũng sẽ biết làm việc theo nhóm, biết chuẩn bị một bài thuyết trình và biết thuyết trình trước lớp. Sinh viên cũng sẽ học chuẩn bị một bộ hồ sơ xin việc hiệu quả.

7.8 Giáo dục thể chất: 5 tín chỉ

Nội dung: chương trình Giáo dục thể chất tập trung vào 2 phần cơ bản là bóng chuyền và bóng đá. Toàn bộ chương trình được cấu trúc gồm lý thuyết chung, lý thuyết môn học và nội dung thực hành cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản cho sinh viên.

7.9 Giáo dục quốc phòng và an ninh: 8 tín chỉ - 165 tiết

Nội dung: Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh trang bị kiến thức cơ bản về chủ trương, đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng, Nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; kiến thức về chủ nghĩa xã hội; kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh trong tình hình mới. Đồng thời cung cấp kiến thức về điều lệnh đội ngũ từng người có súng, kiến thức về đội ngũ đơn vị; kiến thức chung về các quân binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam; giới thiệu về bản đồ quân sự; cách thức phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Trang bị kỹ năng cơ bản về kỹ thuật chiến đấu bộ binh, chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác; thực hành sử dụng súng tiểu liên AK, lựu đạn.

Nội dung chương trình Giáo dục quốc phòng và An ninh ban hành kèm theo Quyết định số 791/QĐ-NTT ngày 19/11/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành.

7.10 Khởi nghiệp: 2 tín chỉ

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, kỹ năng về lập kế hoạch hàng năm cho các bộ phận trong công ty và lập dự án khởi nghiệp, như: tổng quan về kế hoạch kinh doanh, nội dung và quá trình lập kế hoạch kinh doanh, thu thập thông tin, kế hoạch tiếp thị, kế hoạch sản xuất, kế hoạch nhân sự, kế hoạch tài chính, phân tích rủi ro trong lập kế hoạch kinh doanh, đánh giá kế hoạch kinh doanh và các vấn đề thực tiễn, triển khai một kế hoạch kinh doanh mẫu.

7.11 Nhập môn Internet và E - learning: 2 tín chỉ

Nội dung: Môn học "Nhập môn Internet và E-Learning" trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng về Internet, cách thức sử dụng các dịch vụ trên internet để phục vụ cho công tác học tập, nghiên cứu và tự học. Qua môn học này người học hiểu và vận dụng được hình thức học tập trực tuyến (E-Learning) để phục vụ cho việc tự học và tham gia các loại hình đào tạo qua môi trường Internet. Môn học này cũng cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản của Luật An ninh mạng của Nhà nước nhằm trang bị cho sinh viên sự hiểu biết

về Luật An Ninh Mạng để hạn chế việc vi phạm trong quá trình học tập nghiên cứu qua môi trường Internet.

7.12 Anh văn cấp độ 1: 3 tín chỉ

Nội dung: Tiếng Anh tổng quát 1 được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh Văn không chuyên gồm 06 bài đầu của giáo trình World English 2 (60 tiết) và học online với nội dung do TTNN biên soạn. Cấp học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tiếng Anh cơ bản ở mức độ nâng cao, giúp sinh viên rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp với các chủ đề thông thường về “bản thân, sở thích cá nhân, làm quen kết bạn, sức khỏe, lối sống, cột mốc quan trọng trong đời”.

7.13 Anh văn cấp độ 2: 3 tín chỉ

Nội dung: Tiếng Anh tổng quát 2 được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh Văn không chuyên gồm 06 bài sau của giáo trình World English 2 (60 tiết) và học online với nội dung do TTNN biên soạn. Cấp học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tiếng Anh cơ bản ở mức độ nâng cao, giúp sinh viên tiếp tục rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp với các chủ đề về “những mặt hàng cao cấp mắc tiền; thiên nhiên; cuộc sống trong quá khứ; đi du lịch; sự nghiệp và lễ hội”.

7.14 Anh văn cấp độ 3: 3 tín chỉ

Nội dung: Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 1 được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh Văn không chuyên gồm 50% nội dung đầu của giáo trình Campus Toeic (60 tiết) và hệ thống bài tập trực tuyến do Trung Tâm Ngoại Ngữ biên soạn. Sinh viên tiếp tục học tiếng Anh ở cấp độ nâng cao, rèn luyện 4 nhóm kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp thực sự với giáo viên bản ngữ, đồng thời làm quen với các kỹ năng làm bài thi TOEIC.

7.15 Anh văn cấp độ 4: 3 tín chỉ

Nội dung: Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 2 được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh Văn không chuyên gồm 50% nội dung còn lại của giáo trình Campus Toeic (60 tiết) và hệ thống bài tập trực tuyến do Trung Tâm Ngoại Ngữ biên soạn. Sinh viên tiếp tục học tiếng Anh ở cấp độ nâng cao, rèn luyện 4 nhóm kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp thực sự với giáo viên bản ngữ, đồng thời phát triển các kỹ năng làm bài thi TOEIC.

7.17. Tiếng Đức cấp độ 1 (TD1): 3 tín chỉ

Nội dung: Học phần Tiếng Đức cấp độ 1 (TD1) nhằm cung cấp cho người mới bắt đầu tiếp xúc và học tiếng Đức. Người học được trang bị các nội dung về từ vựng, ngữ pháp trong các ngữ cảnh từ cơ bản đến nâng cao trong phạm vi trình độ A1 (theo khung tham chiếu ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam). Học phần được chia thành các bài học với tính tương tác cao, chú trọng phát triển đồng đều 4 kỹ năng Nghe – Nói – Đọc – Viết của người học nhằm giúp người học tự tin bắt đầu sử dụng được tiếng Đức trong giao tiếp và học tập ở mức độ đơn giản.

7.18. Tiếng Đức cấp độ 2 (TD2): 3 tín chỉ

Nội dung: Học phần Tiếng Đức cấp độ 2 (TD2) nhằm tiếp tục nâng cao trình độ cho người đã hoàn thành học phần Tiếng Đức cấp độ 1. Người học được trang bị các nội dung về từ vựng, ngữ pháp trong các ngữ cảnh công việc, học tập, giao tiếp xã hội... trong phạm vi trình độ A1-A2 (theo khung tham chiếu ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam). Học phần được chia thành các bài học với tính tương tác cao, tiếp tục chú trọng phát triển đồng

đều 4 kỹ năng Nghe – Nói – Đọc – Viết của người học nhằm giúp người học tự tin sử dụng được tiếng Đức trong giao tiếp và học tập ở mức độ dưới trung bình.

7.19. Tiếng Đức cấp độ 3 (TD3): 3 tín chỉ

Nội dung: Học phần Tiếng Đức cấp độ 3 (TD3) nhằm tiếp tục nâng cao trình độ cho người đã hoàn thành học phần Tiếng Đức cấp độ 2. Người học được trang bị các nội dung về từ vựng, ngữ pháp trong các ngữ cảnh công việc, học tập, giao tiếp xã hội... tương đối phức tạp trong phạm vi trình độ A2 (theo khung tham chiếu ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam). Học phần được chia thành các bài học với tính tương tác cao, tiếp tục chú trọng phát triển đồng đều 4 kỹ năng Nghe – Nói – Đọc – Viết của người học nhằm giúp người học tự tin sử dụng được tiếng Đức trong giao tiếp và học tập ở mức độ trung bình.

7.20. Tiếng Đức cấp độ 4 (TD4): 3 tín chỉ

Nội dung: Học phần Tiếng Đức cấp độ 4 (TD4) nhằm tiếp tục nâng cao trình độ cho người đã hoàn thành học phần Tiếng Đức cấp độ 3. Người học được trang bị các nội dung về từ vựng, ngữ pháp trong các ngữ cảnh công việc, học tập, giao tiếp xã hội... phức tạp trong phạm vi trình độ A2-B1 (theo khung tham chiếu ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam). Học phần được chia thành các bài học với tính tương tác cao, tiếp tục chú trọng phát triển đồng đều 4 kỹ năng Nghe – Nói – Đọc – Viết của người học nhằm giúp người học tự tin sử dụng được tiếng Đức trong giao tiếp hàng ngày, công việc và học tập ở mức độ trên trung bình.

7.21. Tiếng Nhật cấp độ 1 (TN1): 3 tín chỉ

Nội dung: Học phần Tiếng Nhật cấp độ 1 (TN1) nhằm cung cấp cho người mới bắt đầu tiếp xúc và học tiếng Nhật. Người học được trang bị các nội dung về từ vựng, ngữ pháp trong các ngữ cảnh từ cơ bản đến nâng cao trong phạm vi trình độ N5 (theo khung tham chiếu tiếng Nhật 5 bậc của JLPT). Học phần được chia thành các bài học với tính tương tác cao, chú trọng phát triển đồng đều 4 kỹ năng Nghe – Nói – Đọc – Viết của người học nhằm giúp người học tự tin bắt đầu sử dụng được tiếng Nhật trong giao tiếp và học tập ở mức độ đơn giản.

7.22. Tiếng Nhật cấp độ 2 (TN2): 3 tín chỉ

Nội dung: Học phần Tiếng Nhật cấp độ 2 (TN2) nhằm tiếp tục nâng cao trình độ cho người đã hoàn thành học phần Tiếng Nhật cấp độ 1. Người học được trang bị các nội dung về từ vựng, ngữ pháp trong các ngữ cảnh công việc, học tập, giao tiếp xã hội... trong phạm vi trình độ N5-N4 (theo khung tham chiếu tiếng Nhật 5 bậc của JLPT). Học phần được chia thành các bài học với tính tương tác cao, tiếp tục chú trọng phát triển đồng đều 4 kỹ năng Nghe – Nói – Đọc – Viết của người học nhằm giúp người học tự tin sử dụng được tiếng Nhật trong giao tiếp và học tập ở mức độ dưới trung bình.

7.23. Tiếng Nhật cấp độ 3 (TN3): 3 tín chỉ

Nội dung: Học phần Tiếng Nhật cấp độ 3 (TN3) nhằm tiếp tục nâng cao trình độ cho người đã hoàn thành học phần Tiếng Nhật cấp độ 2. Người học được trang bị các nội dung về từ vựng, ngữ pháp trong các ngữ cảnh công việc, học tập, giao tiếp xã hội... tương đối phức tạp trong phạm vi trình độ N4 (theo khung tham chiếu tiếng Nhật 5 bậc của JLPT). Học phần được chia thành các bài học với tính tương tác cao, tiếp tục chú trọng phát triển đồng đều 4 kỹ năng Nghe – Nói – Đọc – Viết của người học nhằm giúp người học tự tin sử dụng được tiếng Nhật trong giao tiếp và học tập ở mức độ trung bình.

7.24. Tiếng Nhật cấp độ 4 (TN4): 3 tín chỉ

Nội dung: Học phần Tiếng Nhật cấp độ 4 (TN4) nhằm tiếp tục nâng cao trình độ cho người đã hoàn thành học phần Tiếng Nhật cấp độ 3. Người học được trang bị các nội

dụng về từ vựng, ngữ pháp trong các ngữ cảnh công việc, học tập, giao tiếp xã hội... phức tạp trong phạm vi trình độ N4-N3 (theo khung tham chiếu tiếng Nhật 5 bậc của JLPT). Học phần được chia thành các bài học với tính tương tác cao, tiếp tục chú trọng phát triển đồng đều 4 kỹ năng Nghe – Nói – Đọc – Viết của người học nhằm giúp người học tự tin sử dụng được tiếng Nhật trong giao tiếp hàng ngày, công việc và học tập ở mức độ trên trung bình.

7.25. Kỹ năng số và đổi mới sáng tạo: 2 tín chỉ

Nội dung: Học phần Kỹ năng số và đổi mới sáng tạo là học phần giới thiệu tổng quan về các kỹ năng về công nghệ thông tin như kỹ thuật đa phương tiện gồm website, hình ảnh, video, các chuẩn dữ liệu đảm bảo chất lượng truyền thông, ứng dụng tương tác qua công nghệ số, chia sẻ, tham gia, quản lý kỹ năng số, mạng công cộng. Bên cạnh đó, ứng dụng kỹ năng số vào đổi mới sáng tạo là công cụ thiết yếu để cập nhật sự phát triển các công nghệ phù hợp cho sự phát triển của xã hội ngày nay.

7.26 Cơ sở văn hóa Việt Nam: 2 tín chỉ

Nội dung: Học phần cơ sở văn hóa Việt Nam cung cấp những khái niệm cơ bản về văn hóa, đặc trưng văn hóa, nhận diện được các vùng văn hóa trên lãnh thổ Việt Nam; tiến trình lịch sử của văn hóa Việt Nam từ xưa cho đến nay. Tìm hiểu các thành tố văn hóa: văn hóa nhận thức và văn hóa tổ chức cộng đồng; văn hóa giao tiếp ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội. Tìm hiểu sự giao lưu ảnh hưởng của văn hóa Việt Nam với văn hóa Ấn Độ, Trung Quốc và văn hóa phương Tây.

7.27. Lịch sử văn minh thế giới: 2 tín chỉ

Giúp người học có những kiến thức cơ bản về lịch sử văn minh thế giới trước khi tiếp cận các môn chuyên ngành Luật. Nội dung học phần cung cấp cho người học có thể có đó được những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành, phát triển của các trung tâm văn minh tiêu biểu trên thế giới. Qua đó, người học cũng có thể hiểu sâu hơn một số khái niệm liên quan đến học phần; nắm vững về cơ sở hình thành và những thành tựu nổi bật của một số trung tâm văn minh trên thế giới; tìm hiểu về phương pháp tiếp cận và nghiên cứu một nền văn minh, từ đó rút ra một số quy luật chung về quá trình hình thành, phát triển của văn minh nhân loại.

Mặt khác, nghiên cứu lịch sử không chỉ tìm hiểu về quá khứ của, mà trên cơ sở đó để hiểu biết sâu sắc hơn về hiện tại, hành động tích cực trong hiện tại và tiên đoán sự phát triển của tương lai. Từ đó, môn Lịch sử văn minh thế giới góp phần xây dựng quan điểm nhân văn, nhân sinh quan đúng đắn, nâng cao lòng tự hào, biết trân trọng những giá trị tinh thần, vật chất của văn minh loài người, biết vận dụng một cách hữu ích vào công việc, đời sống; nhận thức rõ được những yếu tố cần kế thừa, phát huy hay loại trừ trong bối cảnh hội nhập thế giới, phục vụ cho công cuộc xây dựng đất nước theo đường lối công nghiệp hóa - hiện đại hóa, với mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

7.28. Mỹ thuật học: 2 tín chỉ

Nội dung: Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quát chung những đặc trưng cơ bản của nghệ thuật nói chung và mỹ thuật nói riêng; các loại hình nghệ thuật, đặc trưng hình tượng nghệ thuật, đặc trưng và vai trò xã hội của các thể loại nghệ thuật tạo hình: hội họa, điêu khắc, đồ họa.... Vị trí và vai trò của mỹ thuật trong cuộc sống.

7.29. Nhập môn nghệ thuật thiết kế đồ họa: 2 tín chỉ

Nội dung: Môn học trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản, khái niệm về ngành học, khái quát lịch sử ra đời và phát triển ngành Thiết Kế đồ họa. Sinh viên bước vào làm quen các thuật ngữ chuyên ngành và các mối liên kết đa ngành cơ bản. Trang bị phương pháp cơ bản trong tiếp cận, nghiên cứu, phân tích, đánh giá và ứng dụng các thông tin có liên quan đến lĩnh vực Thiết Kế đồ họa

7.30. Hình họa cơ bản 1: 3 tín chỉ

Nội dung: Trang bị kiến thức cơ bản về hình họa, tầm quan trọng và tính ứng dụng của hình họa vào chuyên ngành thiết kế đồ họa. Nguyên lý thị giác, phối cảnh trong không gian trong vẽ hình họa, đảm bảo sự hài hòa về bố cục cho bài hình họa. Phương pháp nghiên cứu và vẽ hình họa diễn tả đối tượng từ các hình khối tĩnh vật cơ bản đến hình khối đầu tượng người.

7.31. Hình họa cơ bản 2: 3 tín chỉ

Nội dung: Trang bị cho sinh viên kiến thức hình họa về con người, giải phẫu cơ thể học và phương pháp nghiên cứu, vẽ hình họa chân dung, bán thân người. Bố cục tạo hình đặc điểm cấu trúc, cảm xúc của người mẫu. Kiến thức nguyên lý thị giác, luật phối cảnh trong không gian trong vẽ hình họa chân dung, bán thân người.

7.32. Hình họa chuyên ngành: 3 tín chỉ

Nội dung: Trang bị cho sinh viên kiến thức về giải phẫu học chuyên sâu cơ thể người, nắm vững các tương quan tỷ lệ, cấu trúc cơ thể học, các cơ xương chính, các cơ xương cánh tay, cổ tay..., các đặc điểm về giới tính, lứa tuổi. Qua môn học, sinh viên có phương pháp, kỹ năng vẽ hình họa toàn thân.

7.33. Cơ sở tạo hình 1: 3 tín chỉ

Nội dung: Trình bày các kiến thức căn bản, các nguyên lý tạo hình trên mặt phẳng, những hình cơ bản, tính ứng dụng của những hình cơ bản trong thực tế; nguyên lý về sắc độ, điểm, đường nét, mảng, hình, ... trong bố cục cơ bản trên mặt phẳng; vận dụng kỹ năng thực hiện bài tập theo nhóm, cá nhân. Từ đó sinh viên nhận thức được vai trò quan trọng của học phần đối với việc thực hiện các đồ án chuyên ngành sau đó.

7.24. Cơ sở tạo hình 2: 3 tín chỉ

Nội dung: Kiến thức tổng quan về màu sắc, bố cục và họa tiết trang trí... trong một bài trang trí, ứng dụng vào chuyên môn và cuộc sống. Khả năng phân tích, giải quyết, đánh giá về màu sắc, từ đó hình thành tư duy sáng tạo, kỹ năng chuyên môn phục vụ cho học tập và lĩnh vực chuyên ngành. Khả năng làm việc nhóm và giao tiếp bằng ngôn ngữ chuyên ngành đồ họa. Vai trò của người làm nghệ thuật trong việc hình thành ý tưởng, thiết kế và triển khai ý tưởng

7.35. Cơ sở tạo hình 3: 3 tín chỉ

Nội dung: Môn học cung cấp cho sinh viên và các quy luật cơ bản, các phương pháp trang trí cách điệu, lược giản sự vật được vận dụng trong thiết kế đồ họa (như quy luật tối giản, quy luật tỉ lệ vàng...). Nắm bắt quá trình lược nét, đơn giản hoa lá, con vật... phục vụ cho việc thiết kế các biểu tượng đồ họa có giá trị ứng dụng cao trong đời sống.

7.36. Nguyên lý thiết kế đồ họa: 3 tín chỉ

Nội dung: Trang bị cho sinh viên kiến thức tổng quát, những nguyên lý đặc trưng cơ bản của ngành thiết kế đồ họa nói riêng và của lĩnh vực mỹ thuật ứng dụng nói chung. Đó là các quy tắc, quy luật đặc trưng được vận dụng trong quá trình thiết kế ở các môn học chuyên

ngành của thiết kế đồ họa như cân bằng, nhịp điệu, nhấn mạnh, đồng nhất, đơn giản, tương phản, sự lặp lại. Từ đó người học có thể vận dụng nguyên lý thiết kế đồ họa trong quá trình thiết kế, nâng cao giá trị thẩm mỹ bản thiết kế, nhằm truyền đạt ý tưởng, thông điệp trong bản thiết kế đồ họa một cách hiệu quả nhất.

7.37. Thực tế (ký họa phong cảnh, kiến trúc): 2 tín chỉ

Nội dung: Học phần gồm 2 phần:

Phần thứ nhất, tập trung vào kiến thức mỹ thuật về bố cục phong cảnh, luật phối cảnh, phương pháp và kỹ thuật vẽ ngoài trời... được vận dụng trong nghệ thuật tạo hình. Sinh viên hiểu rõ các chất liệu cơ bản của hội họa.

Phần thứ hai thực tế, sinh viên sẽ tiếp cận các góc nhìn thị giác tự nhiên trong quá trình đi thực tế bên ngoài. Qua đó sinh viên sẽ vẽ ký họa, ghi chép lại phong cảnh, sự vật, nhà phố, vốn cổ... theo góc nhìn cảm xúc của mình bằng bút chì, bút sắc và màu nước.

7.38. Tiếng Anh chuyên ngành: 2 tín chỉ

Nhằm trang bị cho học viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản trong giao tiếp với thuật ngữ chuyên ngành chính xác nhóm từ, cách diễn đạt và câu. Làm cơ sở phát triển năng lực ngoại ngữ: Có thể xác định được chủ đề của các hội thoại; hiểu và giao tiếp, nắm được ý chính liên quan đến các chủ đề chuyên ngành: Mô tả hình khối, màu sắc, kiểu dáng; vẽ phác thảo, ý tưởng trong chuyên ngành Thiết kế đồ họa, Mỹ thuật ứng dụng; Có thể hiểu các đoạn văn bản về các chủ đề chuyên ngành quen thuộc và cụ thể, sử dụng những từ, cụm từ chuyên ngành trong công việc và xác định thông tin cụ thể trong các văn bản, thư từ trao đổi, hay tờ thông tin và các bài báo ngắn mô tả sự kiện.

7.39. Tin học chuyên ngành 1: 3 tín chỉ

Nội dung: Phần mềm đồ họa Adobe Illustrator phổ biến tại Việt Nam nhờ tính ưu việt trong các kỹ thuật vận hành, sử dụng trong thiết kế đồ họa. Qua các bài giảng lý thuyết và thực hành sinh động theo thang độ từ cơ bản đến nâng cao. Sinh viên có được kiến thức về chuyên ngành và kỹ năng sử dụng thành thạo chương trình vẽ đồ họa số từ đơn giản đến phức tạp nhằm phục vụ trong các môn thiết kế chuyên ngành và trong công việc chế bản in ấn.

7.40. Tin học chuyên ngành 2: 3 tín chỉ

Nội dung: Phần mềm xử lý ảnh Adobe Photoshop là một chương trình vượt trội so với rất nhiều các chương trình xử lý hình ảnh khác, nó là nền tảng quan trọng nhất cho quá trình thiết kế đồ họa kỹ thuật số. Qua các bài học lý thuyết và thực hành từ cơ bản đến chuyên ngành, sinh viên sẽ dần làm chủ công nghệ hình ảnh photoshop. Sinh viên có kiến thức, có kỹ năng thực hiện việc chỉnh sửa, thay đổi chi tiết hay màu sắc của một bức hình từ đơn giản đến phức tạp. Đáp ứng cho các yêu cầu thiết kế sáng tạo chuyên môn thiết kế layout.

7.40. Tin học chuyên ngành 3: 3 tín chỉ

Nội dung: Qua các bài giảng lý thuyết và thực hành, sinh viên sẽ làm chủ công nghệ số xử lý hình ảnh photoshop với các hiệu ứng đồ họa đặc biệt. Sinh viên có kiến thức và kỹ năng thực hiện việc chỉnh sửa, tạo hiệu ứng chi tiết và đặc biệt trong quá trình sáng tạo hình ảnh kỹ thuật số ở các thiết kế chuyên ngành. Đạt được sự chính xác cao trong công việc thiết kế đồ họa, trong việc chế bản cho ngành in.

7.41. Tin học chuyên ngành 4: 3 tín chỉ

Nội dung: Vẽ kỹ thuật số là nền tảng, liên kết quan trọng trong quá trình hoàn thiện ý tưởng thiết kế đồ họa. Sinh viên được trang bị các kiến thức đồ họa kỹ thuật số, các kỹ năng vẽ kỹ thuật số và các quy trình phối hợp, liên kết trong thiết kế công nghệ số - digital

painting để vận dụng trong công việc thiết kế đồ họa, hoàn thiện bản thiết kế từ khâu ý tưởng đến final, thành phẩm theo đúng quy chuẩn đồ họa.

7.42. Tin học chuyên ngành 5: 3 tín chỉ

Nội dung: Điểm nổi bật của Adobe Indesign chính là tính đa dạng, tiện dụng và cách trình bày khoa học giúp cho việc truy cập, dàn trang thiết kế một cách thuận tiện và nhanh chóng. Sinh viên có kiến thức về Adobe Indesign là nắm bắt được tính kế thừa các công cụ và phương pháp kết hợp các phần mềm như Illustrator và photoshop hay các định dạng file khác như Microsoft Word, hay file PDF vào Indesign. Kiến thức và kỹ năng chuyên ngành Indesign hỗ trợ sinh viên trong việc thiết kế dàn trang sách, báo chí... một cách hiệu quả, tạo nên các bản final chuyên nghiệp trong quy trình chế bản in ấn thành phẩm

7.43. Kỹ thuật in chuyên ngành: 2 tín chỉ

Nội dung: Cung cấp đầy đủ các phương pháp và kiến thức cơ bản cho sinh viên về kỹ thuật in ấn, từ bản thiết kế đồ họa đến phương pháp, thủ thuật xuất file, định dạng đuôi cho tài liệu, cách thức thực hiện một quy trình thiết kế từ lúc bắt đầu đến khi xuất file in thành phẩm.

Nâng cao kiến thức đồ họa và chủ động trong quá trình thiết kế. Phân tích được những khía cạnh khác nhau của kỹ thuật in, chế bản in... nhằm tạo ra sự hoàn thiện tối ưu cho mẫu thiết kế.

7.44. Nhiếp ảnh: 3 tín chỉ

Nội dung: Trang bị kiến thức về máy ảnh kỹ thuật số, cách sử dụng máy ảnh và phương pháp sử dụng ống kính, dùng phòng tối, xử lý ảnh màu và ảnh đen trắng... sinh viên hiểu rõ vai trò, tính ứng dụng của nghệ thuật nhiếp ảnh trong quy trình thiết kế đồ họa. Trên cơ sở nắm vững kỹ thuật ảnh số, sinh viên có thêm nhiều lựa chọn, ứng dụng cho các ý tưởng thiết kế chuyên ngành.

7.45. Nghệ thuật chữ: 2 tín chỉ

Nội dung: Phần một: Trang bị kiến thức về Typography. Cung cấp các kiến thức lịch sử ra đời của chữ viết, các kiểu chữ, quy tắc và cấu trúc, kiểu dáng hình thành nên các kiểu chữ phổ biến trong các văn hóa.

Phần hai: Nghệ thuật sáng tác thiết kế chữ, vai trò thẩm mỹ của các mẫu chữ viết tay đối với đời sống và trong lĩnh vực thiết kế đồ họa. Kỹ năng thiết kế các kiểu chữ, khoảng âm dương và nhịp điệu trong các con chữ... vận dụng cho việc thiết kế logo, thiết kế biểu tượng bằng chữ, hay dàn trang layout văn bản trong các thiết kế đồ họa chuyên ngành.

7.46. Ý tưởng thiết kế: 2 tín chỉ

Nội dung: Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về lựa chọn ý tưởng, phân tích và tìm ra đặc trưng của ý tưởng từ đó áp dụng những nguyên lý sáng tạo và cách thức vận hành hệ thống ý tưởng trong quá trình thiết kế đồ họa. Qua kiến thức chuyên môn, bao gồm cả tính thời đại và thuộc tính văn hóa các dân tộc, sinh viên có được góc nhìn khách quan hơn về quy trình sáng tạo, các bước cơ bản trong thiết kế: Từ ý tưởng đến thực hiện bản thiết kế ra thành phẩm in ấn, hay quá trình vận hành.

7.47. Nghệ thuật minh họa: 3 tín chỉ

Nội dung: Trang bị cho sinh viên các kiến thức trong lĩnh vực minh họa. Minh họa dưới góc nhìn nghệ thuật và minh họa ứng dụng trong thiết kế trang trí sản phẩm, thiết kế minh họa trong lĩnh vực sản xuất bao bì, quảng cáo. Sinh viên được có được kỹ năng vẽ minh họa và kiểm soát tốt ngôn ngữ tạo hình đồ họa kỹ thuật số, sử dụng nhuần nhuyễn các phần mềm thiết kế hỗ trợ.

7.48. Thiết kế và minh họa sách: 3 tín chỉ

Nội dung: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản đến chuyên sâu trong lĩnh vực thiết kế minh họa sách, truyện tranh. Ứng dụng các thiết kế này trong các lĩnh vực xuất bản. Sinh viên được có được kỹ năng vẽ minh họa nhân vật, minh họa theo nội dung tác phẩm và kiểm soát tốt ngôn ngữ tạo hình đồ họa kỹ thuật số, sử dụng nhuần nhuyễn các phần mềm thiết kế hỗ trợ.

7.49. Thiết kế lịch và Thiệp: 2 tín chỉ

Nội dung: Khái niệm về Lịch – Thiệp & Sơ nét về lịch sử ra đời. Vai trò và công năng của các loại Lịch – Thiệp; Xu hướng thiết kế các loại Lịch – Thiệp, cùng các hình thức sáng tạo, các quy định và phương pháp thiết kế các loại Lịch – Thiệp. Trang bị cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng trong thiết kế bộ lịch trang trí, lịch cho sản phẩm hay lịch cho các sự kiện đặc biệt. Sinh viên có khả năng kiểm soát tốt ngôn ngữ tạo hình đồ họa kỹ thuật số, sử dụng nhuần nhuyễn các phần mềm thiết kế hỗ trợ.

7.50. Marketing và Thương hiệu: 2 tín chỉ

Nội dung: Xây dựng thương hiệu là quá trình lựa chọn và kết hợp các thuộc tính hữu hình cũng như vô hình để định hướng vị thế vai trò, giá trị khác biệt của sản phẩm, dịch vụ hoặc tập đoàn. Kiến thức về marketing giữ vai trò quan trọng định hình nên mục đích và ý nghĩa của thương hiệu, góp phần lớn cho sự phát triển bền vững, dài hạn của doanh nghiệp. Sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản trong vận hành thương hiệu như: Xác định cấu trúc nền móng thương hiệu; Định vị thương hiệu; Xây dựng chiến lược thương hiệu; Xây dựng chiến lược truyền thông; Đo lường và hiệu chỉnh.

7.51. Thiết kế linh vật: 3 tín chỉ

Nội dung: Trong lĩnh vực thiết kế đồ họa và quảng cáo, kỹ năng vẽ tạo hình phác triển các ý tưởng sáng tạo là yếu tố quyết định. Thiết kế linh vật, được sử dụng như một biểu tượng riêng của doanh nghiệp trong thiết kế thương hiệu, hay xây dựng sản phẩm mới. Môn học giúp cho sinh viên nắm vững các kỹ năng sáng tác tạo hình linh vật từ giai đoạn bắt đầu ý tưởng, phác thảo và hoàn thiện nhân vật trong quy trình thiết kế đồ họa. Sinh viên được có được kỹ năng vẽ nhân vật và kiểm soát tốt ngôn ngữ tạo hình đồ họa kỹ thuật số, sử dụng nhuần nhuyễn các phần mềm thiết kế hỗ trợ.

7.52. Thiết kế logo: 3 tín chỉ

Nội dung: cung cấp cho sinh viên những kiến thức, khái niệm về biểu trưng - logo, biểu tượng, ký hiệu, huy hiệu, phù hiệu, linh vật... các đặc điểm, tính chất, vai trò, vị trí của Logo. Trang bị cho sinh viên phương pháp và quy trình nghiên cứu, thiết kế các loại logo, biểu trưng. Thiết kế bộ giấy tờ văn phòng: giấy viết thư (Letterhead), danh thiếp (Name card), bao thư (Envelop), biểu mẫu cho Fax... Trang bị cho sinh viên cách vận dụng thiết kế logo để ứng dụng vào một thương hiệu giả lập hay có thật trên thị trường.

7.53. Thiết kế Poster 1, 2: 4 tín chỉ

Nội dung: Kiến thức về nghệ thuật quảng cáo, vai trò, giá trị và tầm ảnh hưởng của quảng cáo trong xã hội hiện đại. Sinh viên có kiến thức về thiết kế quảng cáo và nhận biết được sự khác nhau giữa các loại hình truyền thông thị giác. Có kỹ năng chuyên sâu về thiết kế đồ họa thị giác kỹ thuật số bằng những hình ảnh và chữ viết cô đọng, nhằm truyền đạt thông điệp, cổ động, quảng cáo ứng dụng trong nhiều lĩnh vực khác nhau trong cuộc sống.

7.54. Thiết kế Catalogue và Brochure: 2 tín chỉ

Nội dung: kiến thức về truyền thông quảng cáo. Phân tích các đặc điểm để chọn lựa phương cách bố cục, hình ảnh minh họa, chữ... cho phù hợp, đảm bảo thông tin trong quá trình thiết kế Catalogue, Brochure, Flyer, Leaflet và in ấn. Trang bị cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng chuyên môn thiết kế. Ứng dụng các thiết kế này trong lĩnh vực xuất bản ấn phẩm.

Sinh viên có khả năng kiểm soát ngôn ngữ thiết kế đồ họa, sử dụng nhuần nhuyễn các phần mềm thiết kế.

7.55. Thiết kế đồ họa truyền thông – sự kiện công cộng: 3 tín chỉ

Nội dung: Trang bị cho sinh viên các kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực Thiết kế đồ họa truyền thông, công cộng. Ứng dụng học phần thiết kế này trong các lĩnh vực như: tổ chức sự kiện, hội chợ, quảng bá sản phẩm mới...

Sau khi học xong sinh viên có khả năng kiểm soát ngôn ngữ đồ họa, sử dụng nhuần nhuyễn các phần mềm thiết kế.

7.56. Thiết kế thương hiệu - Brand: 3 tín chỉ

Nội dung: Thiết kế thương hiệu là bộ mặt trong quy trình thiết kế sản phẩm mới (brandbuilding). Vận dụng kiến thức môn typography sự hiểu biết sâu sắc các đặc trưng về kiểu chữ, cấu trúc, kiểu dáng... Sinh viên thực hành kỹ năng sáng tạo ứng dụng vào thực tiễn, để thiết kế tên nhãn hàng, tên sản phẩm mới. Qua môn học sinh viên có được kỹ năng thiết kế đồ họa ứng dụng và nắm rõ được quy trình xây dựng một sản phẩm mới.

7.57. Thiết kế đồ họa bao bì, sản phẩm: 3 tín chỉ

Nội dung: Sự liên kết giữa 2 môn, thiết kế thương hiệu tên sản phẩm mới áp dụng vào thiết kế bao bì sản phẩm. Sinh viên thực hiện các bài tập dựa trên cơ sở bài giảng về cấu trúc, thể loại bao bì, hộp đựng... tham khảo, nghiên cứu nhãn mác của bao bì và phần thể tích chứa đựng của sản phẩm trên thị trường. Sinh viên dựa trên nền tảng các sản phẩm có mặt trên thị trường để áp dụng vào thiết kế bài học, với kích thước và thành phẩm hoàn toàn như thật.

7.58. Thiết kế giao diện Web: 3 tín chỉ

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về công nghệ truyền thông, và các nền tảng chính của dữ liệu số. Sinh viên học về layout, thiết kế giao diện web, các hệ màu và quy chuẩn trong vận hành và truyền dữ liệu kỹ thuật số.

7.59. Minh họa phân cảnh quảng cáo: 2 tín chỉ

Nội dung: Dựa trên nội dung kịch bản cụ thể, theo từng phân đoạn, người thiết kế sẽ chuyển thể những kịch bản viết đó ra thành những phác họa hình ảnh như một cuốn truyện tranh, vừa hội tụ đầy đủ góc máy, khung hình... vai trò của StoryBoard được xem như một kịch bản bằng hình, thể hiện bối cảnh, nhân vật trong câu chuyện và trạng thái cảm xúc của từng nhân vật trong mỗi cảnh quay.

7.60. Thiết kế đồ họa Báo chí và tạp chí nghệ thuật: 3 tín chỉ

Nội dung: Kiến thức, khái niệm về nghệ thuật truyền thông cộng đồng hay thuật ngữ báo chí, tạp chí... vai trò của báo chí, tạp chí trong muôn mặt thông tin xã hội, trong nhiều lĩnh vực của cuộc sống, và quy trình, phương pháp thiết kế minh họa báo chí, tạp chí. Trang bị cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng chuyên ngành trong lĩnh vực thiết kế đồ họa truyền thông báo chí và xuất bản.

7.61. Thiết kế đồ họa hệ thống nhận diện thương hiệu (CIP): 3 tín chỉ

Nội dung: cung cấp cho sinh viên những nhận thức về các đặc điểm, tính chất, vai trò, vị trí của Logo và hệ thống nhận diện thương hiệu (Corporate Identity System = CI hay Corporate Identity Programs = CIP), vai trò của nó trong đời sống kinh tế, thương mại. Hệ thống nhận diện thương hiệu là hệ thống chuẩn mực, là quy chuẩn về hình ảnh, kích thước, nguyên tắc sử dụng Logo, Slogan, các hạng mục văn phòng, quan hệ công chúng, thương mại điện tử, đồ họa ngoài trời... của doanh nghiệp. Qua môn học, sinh viên có kiến thức và khả năng thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu cho các công ty, doanh nghiệp.

7.62. Hồ sơ năng lực thiết kế: 2 tín chỉ

Nội dung: Trang bị cho sinh viên phương pháp thiết kế profile cá nhân, giới thiệu khả năng và năng lực bản thân trước nhà tuyển dụng, hay giới thiệu trình bày các ý tưởng trước đối tác, khách hàng. Sinh viên sẽ tiếp cận được các phương pháp tìm ý tưởng riêng, thiết lập hệ thống ý tưởng, xác định khối lượng, quy mô của đồ án, phong cách thiết kế hợp với tinh thần của cá nhân hay đề tài và sự đảm bảo khả năng thông tin tốt, ý tưởng độc đáo, tính thẩm mỹ đồ họa cao.

7.63. Đề cương tốt nghiệp: 2 tín chỉ

Nội dung: Trang bị cho sinh viên phương pháp từ việc chọn đề tài, tư duy, viết đề cương, tìm ý tưởng riêng, thiết lập hệ thống ý tưởng, xác định khối lượng, quy mô của đồ án, phong cách thiết kế hợp với tinh thần của đề tài và đảm bảo khả năng trình bày thông tin tốt. Đặc biệt là trang bị cho sinh viên khả năng phân tích, đánh giá, phản biện cho từng phương án thể hiện của chính mình qua các tài liệu – tư liệu được thu thập trong thời gian thực tập có liên quan đến sản phẩm hay công ty mà sinh viên lựa chọn cho chủ đề tốt nghiệp. Dựa trên các tài liệu này sinh viên hoàn thiện đề cương tốt nghiệp với các hạng mục thiết kế đầy đủ, để chuẩn bị cho quá trình thực hiện và hoàn thiện đồ án trong giai đoạn Tốt nghiệp.

7.64. Thực tập nhận thức: 3 tín chỉ

Nội dung: Sinh viên đi thực tập tại một công ty cụ thể, có các hoạt động thiết kế đồ họa hay sản xuất sản phẩm đa dạng phục các lợi ích khác nhau của xã hội. Trong thời gian thực tập, sinh viên thực hành nghiên cứu, khảo sát và thiết kế theo yêu cầu của công ty, nhằm có trải nghiệm môi trường làm việc trực quan.

7.65. Thực tập tốt nghiệp: 4 tín chỉ

Nội dung: Sinh viên đi thực tập tại một công ty cụ thể, có các hoạt động sản xuất đa dạng phục các lợi ích khác nhau của xã hội. Trong thời gian thực tập, sinh viên thu thập các tài liệu – tư liệu dưới dạng: hình ảnh, ký họa, ghi chép, sưu tầm tư liệu, các đoạn video clip, âm thanh... Tất cả các tài liệu trên đều phải liên quan và có giá trị sử dụng cho đề cương tốt nghiệp và làm nền tảng cơ sở cho đồ án tốt nghiệp

7.66. Đồ án tốt nghiệp: 7 tín chỉ

Nội dung: Sinh viên dựa trên đề cương TN– Thiết kế hệ thống đồ họa cho một công ty hay thiết kế sản phẩm. Qua đó sinh viên thiết lập ý tưởng cho từng hạng mục thiết kế, theo đúng quy trình, đạt yêu cầu về thẩm mỹ đồ họa và có giá trị ứng dụng cao. Sinh viên hoàn thành mẫu sản phẩm của các hạng mục thiết kế, quy hoạch gian trưng bày đồ án.

IV. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Đối sánh chương trình đào tạo đã tham khảo

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành Thiết kế đồ họa của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT ngành Thiết kế đồ họa của Trường ĐH Hoa Sen Tp HCM	CTĐT ngành Thiết kế đồ họa của Trường ĐH Văn Lang	CTĐT ngành Thiết kế đồ họa của Raffle University, Singapore	CTĐT ngành Thiết kế đồ họa của LCI Melbourne University, Australia	Nhận xét
Tổng số tín chỉ	150 TC	143 TC	131 TC	105 TC	107 TC	
Cấu trúc chương trình:	Tín chỉ	Tín chỉ	Tín chỉ	Modules	Modules	
- Học phần đại cương	35 TC 1. Triết học Mác - Lênin 2. Kinh tế Chính trị Mác - Lênin 3. Chủ nghĩa Xã hội khoa học 4. Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam 5. Tư tưởng Hồ Chí Minh 6. Pháp luật đại cương 7. Khởi nghiệp	42TC 1. Những NLCB của CN Mac Lenin 1 2. Những NLCB của CN Mac Lenin 2 3. Triết học Mác - Lênin 4. Kinh tế chính trị Mác - Lênin 5. Chủ nghĩa Xã hội khoa học 6. Tư tưởng HCM 7. Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	38 TC 1. Những NLCB của CN Mac Lenin 2. Đường lối CM của Đảng CSVN 3. Tư tưởng HCM 4. Pháp luật đại cương 5. Chuyên đề pháp luật chuyên ngành 6. Phương pháp sáng tạo 7. Cơ sở văn hoá Việt Nam 8. Nghệ thuật học	16 TC 1.English I 2.English II 3.English III 4.English IV	16 TC 5.English I 6.English II 7.English III 8.English IV	Có sự tương đồng trong kiến thức đại cương của các trường trong nước, Nhưng có sự khác biệt về khối kiến

- Học cơ sở ngành	8. Kỹ năng giao tiếp (HP1) 9. Kỹ năng giao tiếp (HP2) 10. Tiếng Anh tổng quát 1 11. Tiếng Anh tổng quát 2 12. Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 1 13. Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 2 14. Giáo dục thể chất 1 15. Giáo dục quốc phòng 2 Tự chọn: 1. Logic học 2. Xã hội học đại cương 3. Kỹ năng số và đổi mới sáng tạo	8. Đường lối CM của Đảng CSVN 9. Tư tưởng HCM 10. Anh văn giao tiếp quốc tế 3 11. Anh văn giao tiếp quốc tế 4 12. Anh văn giao tiếp quốc tế 5 13. Anh văn giao tiếp quốc tế 6 14. Phương pháp học đại học 15. Tư duy phản biện 16. Giáo dục thể chất 17. Giáo dục quốc phòng	9. Lịch sử mỹ thuật 10. Anh văn 1 11. Anh văn 2 12. Anh văn 3 13. Anh văn 4 14. Tin học căn bản 15. Tin học ứng dụng 16. Giáo dục thể chất 17. Giáo dục quốc phòng			thức đại cương so với trường quốc tế.
	39 TC 1. Nhập môn nghệ thuật thiết kế đồ họa 2. Hình họa cơ bản 1 3. Hình họa cơ bản 2 4. Hình họa cơ bản 3 5. Cơ sở tạo hình 1	42 TC 1. Hình họa mỹ thuật 1 2. Hình họa mỹ thuật 2 3. Cơ sở tạo hình mỹ thuật 1	39 TC 1. Giải phẫu học 2. Cơ sở tạo hình mỹ thuật 3. Trang trí cơ bản 4. Luật xa gần 5. Hình họa 1	MODULES (31 TC) 1.3D Techniques 2.Design Fundamental 3.Design Thinking	MODULES (34 TC) EXPLORATION 1. The Rise of Visual Culture 2. Design Workshop 1	NTTU thiên về thực hành, không xa rời xu

	6. Cơ sở tạo hình 2 7. Cơ sở tạo hình 3 8. Nguyên lý thiết kế đồ họa 9. Kỹ thuật đồ họa 10. Tin học chuyên ngành 1 11. Tin học chuyên ngành 2 12. Tin học chuyên ngành 3 13. Tin học chuyên ngành 4 14. Tin học chuyên ngành 5 15. Kỹ thuật in chuyên ngành 16. Nhiếp ảnh 17. Nghệ thuật chữ 18. Nghệ thuật chữ 2 (nâng cao) 19. Marketing và thương hiệu 20. Tiếng Anh chuyên ngành 21. Mỹ Thuật học	4. Cơ sở tạo hình mỹ thuật 2 5. Cơ sở tạo hình đồ họa 6. Minh họa 7. Truyền thông đại cương 8. Tin học chuyên ngành 1 9. Tin học chuyên ngành 2 10. Tin học chuyên ngành 3 11. Nghệ thuật chữ 1 12. Nghệ thuật chữ 2 13. Nhiếp ảnh 14. Đồ họa thông tin	6. Hình họa 2 7. Hình họa 3 8. Hình họa 4 9. Màu sắc và trang trí trên máy tính 10. Nghệ thuật chữ 11. Trang trí cơ sở ngành đồ họa 12. Trang trí chuyên ngành đồ họa 13. Cơ sở thiết kế đồ họa 14. Nghiên cứu lịch sử đồ họa 15. Nghệ thuật chữ 16. Xử lý hình ảnh trên máy tính	4. Digital Illustration 5. Digital Image Process 6. Digital Photography 7. Drawing Fundament 8. Type and Layout	3. Design Workshop 2 FOUNDATION 1. Design Laboratory 1 2. Major Study Practic 1 3. Visual Literacy 1 4. Analysing Visual Culture	hướng CDR của nhiều trường có kinh nghiệm trong đào tạo ngành KT. Điểm nổi bật của NTTU tập trung vào ứng dụng tin học kỹ thuật số ứng dụng trong thiết kế hơn các trường khác.
-Học phần	61 TC 1. Ý tưởng thiết kế	48 TC 1. Triết lý thiết kế 2. Quản lý dự án	45 TC 1. Thiết kế bìa sách 2. Tranh khắc	MODULS (48 TC) 1. Research Academic and	MODULS (49 TC) ISSUES	- NTTU không xa

chuyên ngành	2. Nghệ thuật minh họa	3. Đồ họa dàn trang	3. Kỹ thuật và vật liệu in	Communicationk Skill	1. Design Laboratory 2	rời xu hướng
	3. Thiết kế linh vật	4. Đồ họa nhận diện thương hiệu	4. Nghiên cứu vốn cổ dân tộc	2. Advertising Design 1 & 2	2. Sub Major Study 1	CĐR của nhiều trường có kinh nghiệm trong đào tạo ngành TKĐH.
	4. Thiết kế minh họa sách, truyện	5. Đồ họa truyền thông	5. Nhiếp ảnh Marketing	3. Design Studio 1 & 2	3. Professional Practice 1	- Điểm riêng của NTTU
	5. Thiết kế lịch và thiệp	6. Kỹ thuật in	6. Thiết kế poster quảng cáo	3. History of Visual Communication	4. Visual Thinking GLOBAL	thiên về thiết kế ứng dụng theo thị trường marketing, các môn học chuyên ngành có hệ thống liên kết, hình thành đồ án lớn.
	6. Thiết kế Logo	7. Đồ họa minh họa sách	7. Thiết kế poster	4. Major Project	1. Design Laboratory 3	
	7. Thiết kế Poster 1	8. Đồ họa bao bì	8. Thiết kế bao bì, nhãn hiệu sản phẩm	5. Motion Graphic and Effects 1	2. Professional Elective 1	
	8. Thiết kế Poster 2	9. Đồ họa web	9. In ấn đồ họa truyền thống	6. Packaging Design	3. Design and Culture INDUSTRY	
	9. Thiết kế Brochure & Catalogue	10. Đồ họa động	10. Thiết kế dàn trang	7. Portfolio Design	1. Design Laboratory 4	
	10. Thiết kế đồ họa sự kiện	11. Kịch bản và xây dựng kịch bản	11. Thiết kế logo	8. Print Media and Production	2. Business Communication 1	
	11. Thiết kế thương hiệu – Brand	12. Hồ sơ năng lực thiết kế	12. Thiết kế logo và ấn phẩm văn phòng	9. Publication Design	3. Visual Communication 1 SELF	
	12. Thiết kế nhãn hàng, bao bì sản phẩm		13. Thiết kế báo, tạp chí	10. Semiotics and image Making	1. Design Laboratory 5	
	13. Thiết kế giao diện Web		14. Thiết kế giao diện web	11. Semiotics and Mark Making	2. Practice 2	
	14. Thiết kế minh họa phân cảnh quảng cáo		15. Đồ họa chiến dịch truyền thông	12. Typography 1 & 2	3. Visual Communication 2	
	15. Thiết kế báo chí và tạp chí nghệ thuật		16. Nhận diện thương hiệu	13. Visual Identity System		
	16. Thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu (CIP)		17. Nghiên cứu chuyên đề	14. Web Design 1 - Choose 1:		
			18. Cụm đồ án tốt nghiệp			

	17. Hồ sơ năng lực thiết kế 18. Đề cương tốt nghiệp				1. Industrial Attachment 2. Industry and Community Engagement		
- Học tốt nghiệp	7 TC Đồ án tốt nghiệp	8 TC Đồ án tốt nghiệp	8 TC Đồ án tốt nghiệp	10 TC Đồ án tốt nghiệp	10 TC Đồ án tốt nghiệp	10 TC Đồ án tốt nghiệp	Khả tương đồng về thời gian và hình thức thực hiện đồ án Tốt nghiệp ở NTT và các trường trong nước.
Các chuyên ngành hẹp	Không						
Phương pháp giảng dạy/học tập	- Sinh viên làm việc cá nhân, làm việc nhóm trong các học phần. - Sinh viên học lý thuyết kết hợp với	- Sinh viên làm việc cá nhân, làm việc nhóm trong các học phần. - Sinh viên học lý thuyết kết hợp với	- Sinh viên làm việc cá nhân, làm việc nhóm trong các học phần. - Sinh viên học lý thuyết kết hợp với	- Sinh viên làm việc cá nhân, làm việc nhóm trong các học phần. - Sinh viên học lý thuyết kết hợp với	- Sinh viên làm việc cá nhân, làm việc nhóm trong các học phần. - Sinh viên học lý thuyết kết hợp với	- Sinh viên làm việc cá nhân, làm việc nhóm trong các học phần. - Sinh viên học lý thuyết kết hợp với thực hành qua	Khả tương đồng trong Phương pháp giảng dạy/học

	thực hành qua đồ án hoặc thực tập. - Giảng viên hỗ trợ và hướng dẫn Sinh viên tiếp thu kiến thức trong giờ lên lớp và mở rộng kiến thức ngoài giờ lên lớp.	thực hành qua đồ án hoặc thực tập. Giảng viên hỗ trợ và hướng dẫn Sinh viên tiếp thu kiến thức trong giờ lên lớp và mở rộng kiến thức ngoài giờ lên lớp.	thực hành qua đồ án hoặc thực tập. Giảng viên hỗ trợ và hướng dẫn Sinh viên tiếp thu kiến thức trong giờ lên lớp và mở rộng kiến thức ngoài giờ lên lớp.	đồ án tập. Giảng viên hỗ trợ và hướng dẫn Sinh viên tiếp thu kiến thức trong giờ lên lớp và mở rộng kiến thức ngoài giờ lên lớp.	tập ở NTT và các trường trong và ngoài nước.
Học phí					
Các đối sánh khác	Không				

2. Đối sánh chương trình đào tạo với các khóa trước

Nội dung đối sánh	Khóa 2017	Khóa 2021	Khóa 2023	Nhận xét (Cần nêu rõ phần nào được cải tiến, các điểm khác biệt của chương trình hiện tại)
Tổng số tín chỉ	143	150	150	
Cấu trúc chương trình: (số lượng môn/tín chỉ)				
Đại cương	13	13	13	
Khoa học cơ bản	23	20	22	
Cơ sở ngành	36	29	41	Hệ thống lại các môn cơ sở ngành phù hợp.

BM12_XDCT_Chương trình đào tạo

Nội dung đối sánh	Khóa 2017	Khóa 2021	Khóa 2023	Nhận xét (Cần nêu rõ phần nào được cải tiến, các điểm khác biệt của chương trình hiện tại)
Chuyên ngành/cốt lõi ngành/chuyên sâu	59	75	61	Chọn lọc lại các môn chuyên ngành phù hợp để đáp ứng CDR theo nhu cầu xã hội.
Tốt nghiệp	12	12	13	
Các chuyên ngành hẹp của ngành đào tạo (nếu có)				
Phương pháp giảng dạy/học tập	- Phương pháp thuyết trình - Phương pháp diễn trình - Phương pháp dạy thực hành	- Phương pháp thuyết trình - Phương pháp diễn trình - Phương pháp dạy thực hành	- Phương pháp thuyết trình - Phương pháp diễn trình - Phương pháp dạy thực hành	
Phương pháp đánh giá	- Đánh giá tiến trình - Đánh giá tổng kết/ định kỳ	- Đánh giá tiến trình - Đánh giá tổng kết/ định kỳ	- Đánh giá tiến trình - Đánh giá tổng kết/ định kỳ	
Các đối sánh khác (nếu có)				

V. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Hình thức tổ chức giảng dạy

Hoạt động dạy - học được thiết kế cho chương trình đào tạo ngành nhằm đảm bảo cho người học phát triển toàn diện cả về kiến thức, kỹ năng và các mức tự chủ & trách nhiệm.

Các phương pháp giảng dạy:

Chiến lược dạy học trực tiếp

- Phương pháp thuyết trình
- Phương pháp diễn trình
- Phương pháp dạy thực hành
- Giải thích cụ thể

Chiến lược dạy học gián tiếp

- Câu hỏi gợi mở
- Giải quyết vấn đề

Chiến lược dạy học trải nghiệm

- Thực tập, thực tế (Field Trip)
- Mô hình (Models).

Chiến lược dạy học tương tác

- Tranh luận, Thảo luận, Học nhóm, Chiến lược tự học, Bài tập ở nhà

2. Hình thức kiểm tra, đánh giá

- Đánh giá tiến trình (chuyên cần, bài tập, thuyết trình)
- Đánh giá tổng kết/ định kỳ (Đánh giá thuyết trình, Đánh giá làm việc nhóm)

3. Một số hướng dẫn khác

- Thực hành ngoài: vẽ phong cảnh; chụp ảnh.
- Khảo sát thị trường sản phẩm, các lĩnh vực liên quan TKĐH.
- Tham quan quy trình in ấn tại phân xưởng sản xuất.
- Thực tập nhận thức ngành nghề tại công ty thiết kế.

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)



TS. Trần Ái Cẩm

P.TRƯỞNG KHOA

(Ký tên và ghi rõ họ tên)

ThS. Trần Thị Thanh Thủy

V. BƯỜNG DÀN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Hình thức tổ chức giảng dạy
Hình thức dạy - học được thiết kế theo chương trình đào tạo nhằm nhằm đào tạo người học phát triển toàn diện về kiến thức, kỹ năng và các thái độ cần thiết để thích ứng.

Các phương pháp giảng dạy:

Chương trình dạy học trực tiếp

- Phương pháp dạy học cá nhân

- Phương pháp dạy học nhóm

- Phương pháp dạy học lớp

- Làm việc cá nhân

Chương trình dạy học gián tiếp

- Các bài học

- Các dự án, đề tài

Chương trình dạy học trải nghiệm

- Học tập thực tế (thực tập)

- Các hoạt động khác

Chương trình dạy học ngược lại

- Hình thức khác: Hình thức khác nhau Chương trình dạy học trực tiếp và gián tiếp

2. Hình thức biên soạn chương trình

Chương trình biên soạn theo các nội dung sau:

- (1) Hình thức biên soạn: (1) Hình thức biên soạn theo nội dung và hình thức dạy học

3. Một số hướng dẫn khác

- Các hoạt động ngoài giờ học và phương pháp dạy học

Chương trình biên soạn theo nội dung và hình thức dạy học

Chương trình biên soạn theo nội dung và hình thức dạy học

Chương trình biên soạn theo nội dung và hình thức dạy học

CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình biên soạn theo nội dung và hình thức dạy học



Handwritten signature

Chương trình biên soạn theo nội dung và hình thức dạy học

CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình biên soạn theo nội dung và hình thức dạy học

Handwritten signature



Chương trình biên soạn theo nội dung và hình thức dạy học